

Số: 176.01/PKN-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu:
2. Mã số mẫu:
3. Mô tả mẫu:
4. Thời gian lưu mẫu:
5. Ngày lấy mẫu:
6. Ngày nhận mẫu:
7. Thời gian thử nghiệm:
8. Nơi gửi mẫu:
9. Tài liệu kèm theo:
10. Kết quả thử nghiệm

Nước máy (Điểm đầu) – Nhà máy nước Tân An.

11.25.176.01.MG

Mẫu đựng trong can nhựa 2 lít, chai thủy tinh 1 lít.

Không lưu

19/11/2025

19/11/2025

19/11/2025 – 03/12/2025

Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Cao Bằng.

Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng.

Biên bản lấy mẫu nước.



VILAS 747

STT	CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ SO SÁNH QCDP 01:2024/CB
10.01	Amoni	Máy UV - VIS	mg/l	0,0	0,3
10.2	Nitrit	Máy UV - VIS	mg/l	0,0	0,05
10.3	Nitrat	TCVN 6180: 1996	mg/l	0,31	2
10.4	Sắt TS*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOQ = 0,1)	0,3
10.5	Pecmanganat*	TCVN 6186:1996	mg/l	0,0	2
10.6	Độ cứng*	TCVN 6224:1996	mg/l	66	300
10.7	HL Sunphat	Máy UV - VIS	mg/l	3,76	250
10.8	Florua	Máy UV - VIS	mg/l	0,90	1,5
10.9	Đồng (Cuprum)*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOD = 0,03)	1
10.10	Kẽm(Zincum)*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOD = 0,03)	2
10.11	Mangan (Mn)	SMEWW3113B	mg/l	0,01	0,1
10.12	Cadimi (Cd)*	SMEWW3113B	mg/l	KPH (LOD = 0,0003)	0,003
10.13	Chì (Plumbum)*	SMEWW3113B	mg/l	KPH (LOQ = 0,002)	0,01

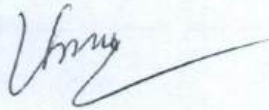
SỞ Y TẾ TỈNH CAO BẰNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH CAO BẰNG

Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, tỉnh Cao Bằng/Điện thoại: 02063.852815/Fax:026.855173
Email: ttytdptinhcaobang@gmail.com

10.14	Tổng số chất rắn hòa tan (TDS)	TQBYT	mg/l	60	1000
10.15	Nhôm (Aluminium)	SMEWW3113B	mg/l	0,1	0,2
10.16	S. Aureus	SMEWW9213B:2017	CFU/250ml	KPH	< 1
10.17	Ps. Aeruginosa	TCVN 8881:2011	CFU/250ml	KPH	< 1

Cao Bằng, Ngày 03 tháng 12 năm 2025

TRƯỞNG KHOA



Lục Thị Hương

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Bé Thị Bạch

Ghi chú:

1. KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp).
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của TTKSBT tỉnh Cao Bằng.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định;
6. Chỉ tiêu có dấu * là chỉ tiêu được công nhận IOS/IEC 17025:2017.
7. Chỉ tiêu có dấu " + " là kết quả sử dụng của nhà thầu phụ.
8. Phòng thí nghiệm cam kết bảo mật các thông tin của khách hàng.

BM 7.8.01

Lần ban hành: 3

Ngày sửa đổi:

Trang: 2/2

Số: 176.02/PKN-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: Nước máy (Điểm giữa) – Nhà máy nước Tân An.
2. Mã số mẫu: 11.25.176.02.MG
3. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong can nhựa 2 lít, chai thủy tinh 1 lít.
4. Thời gian lưu mẫu: Không lưu
5. Ngày lấy mẫu: 19/11/2025
6. Ngày nhận mẫu: 19/11/2025
7. Thời gian thử nghiệm: 19/11/2025 – 03/12/2025
8. Nơi gửi mẫu: Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Cao Bằng.
Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng.
Biên bản lấy mẫu nước.
9. Tài liệu kèm theo:
10. Kết quả thử nghiệm



VILAS 747

STT	CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ SO SÁNH QCDP 01:2024/CB
10.01	Amoni	Máy UV - VIS	mg/l	0,0	0,3
10.2	Nitrit	Máy UV - VIS	mg/l	0,0	0,05
10.3	Nitrat	TCVN 6180: 1996	mg/l	0,30	2
10.4	Sắt TS*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOQ = 0,1)	0,3
10.5	Pecmanganat*	TCVN 6186:1996	mg/l	0,0	2
10.6	Độ cứng*	TCVN 6224:1996	mg/l	66	300
10.7	HL Sunphat	Máy UV - VIS	mg/l	5,70	250
10.8	Florua	Máy UV - VIS	mg/l	0,86	1,5
10.9	Đồng (Cuprum)*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOD = 0,03)	1
10.10	Kẽm(Zincum)*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOQ = 0,1)	2
10.11	Mangan (Mn)	SMEWW3113B	mg/l	0,01	0,1
10.12	Cadimi (Cd)*	SMEWW3113B	mg/l	KPH (LOD = 0,0003)	0,003
10.13	Chì (Plumbum)*	SMEWW3113B	mg/l	KPH (LOQ = 0,002)	0,01

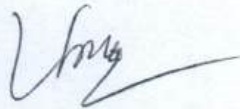
SỞ Y TẾ TỈNH CAO BẰNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH CAO BẰNG

Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, tỉnh Cao Bằng/Điện thoại: 02063.852815/Fax:026.855173
Email: ttydptinhcaobang@gmail.com

10.14	Tổng số chất rắn hòa tan (TDS)	TQBYT	mg/l	60	1000
10.15	Nhôm (Aluminium)	SMEWW3113B	mg/l	0,07	0,2
10.16	S. Aureus	SMEWW9213B:2017	CFU/250ml	KPH	< 1
10.17	Ps. Aeruginosa	TCVN 8881:2011	CFU/250ml	KPH	< 1

Cao Bằng, Ngày 03 tháng 12 năm 2025

TRƯỞNG KHOA



Lục Thị Hương

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Bê Thị Bạch

Ghi chú:

1. KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp).
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của TTKSBT tỉnh Cao Bằng.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định;
6. Chỉ tiêu có dấu * là chỉ tiêu được công nhận IOS/IEC 17025:2017.
7. Chỉ tiêu có dấu "+" là kết quả sử dụng của nhà thầu phụ.
8. Phòng thí nghiệm cam kết bảo mật các thông tin của khách hàng.

SỞ Y TẾ TỈNH CAO BẰNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH CAO BẰNG

Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, tỉnh Cao Bằng/Điện thoại: 02063.852.815/Fax:026.855173
Email: ttydptinhcaobang@gmail.com

Số: 176.03/PKN-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu:
2. Mã số mẫu:
3. Mô tả mẫu:
4. Thời gian lưu mẫu:
5. Ngày lấy mẫu:
6. Ngày nhận mẫu:
7. Thời gian thử nghiệm:
8. Nơi gửi mẫu:

Nước máy (Điểm cuối) – Nhà máy nước Tân An.

11.25.176.03.MG

Mẫu đựng trong can nhựa 2 lít, chai thủy tinh 1 lít.

Không lưu

19/11/2025

19/11/2025

19/11/2025 – 03/12/2025

Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Cao Bằng.

Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng.

Biên bản lấy mẫu nước.



VILAS 747

9. Tài liệu kèm theo:

10. Kết quả thử nghiệm

STT	CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ SO SÁNH QCDP 01:2024/CB
10.01	Amoni	Máy UV - VIS	mg/l	0,0	0,3
10.2	Nitrit	Máy UV - VIS	mg/l	0,0	0,05
10.3	Nitrat	TCVN 6180: 1996	mg/l	0,29	2
10.4	Sắt TS*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOQ = 0,1)	0,3
10.5	Pecmanganat*	TCVN 6186:1996	mg/l	0,16	2
10.6	Độ cứng*	TCVN 6224:1996	mg/l	66	300
10.7	HL Sunphat	Máy UV - VIS	mg/l	6,19	250
10.8	Florua	Máy UV - VIS	mg/l	0,80	1,5
10.9	Đồng (Cuprum)*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOD = 0,03)	1
10.10	Kẽm(Zincum)*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOD = 0,03)	2
10.11	Mangan (Mn)	SMEWW3113B	mg/l	0,01	0,1
10.12	Cadimi (Cd)*	SMEWW3113B	mg/l	KPH (LOD = 0,0003)	0,003
10.13	Chì (Plumbum)*	SMEWW3113B	mg/l	KPH (LOQ = 0,002)	0,01

SỞ Y TẾ TỈNH CAO BẰNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH CAO BẰNG

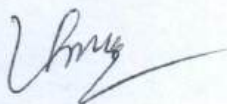
Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, tỉnh Cao Bằng/Điện thoại: 02063.852815/Fax:026.855173

Email: ttydptinhcaobang@gmail.com

10.14	Tổng số chất rắn hòa tan (TDS)	TQBYT	mg/l	150	1000
10.15	Nhôm (Aluminium)	SMEWW3113B	mg/l	0,1	0,2
10.16	S. Aureus	SMEWW9213B:2017	CFU/250ml	KPH	< 1
10.17	Ps. Aeruginosa	TCVN 8881:2011	CFU/250ml	KPH	< 1

Cao Bằng, Ngày 03 tháng 12 năm 2025

TRƯỞNG KHOA



Lục Thị Hương

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Bé Thi Bạch

Ghi chú:

1. KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp).
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của TTKSBT tỉnh Cao Bằng.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định;
6. Chỉ tiêu có dấu * là chỉ tiêu được công nhận IOS/IEC 17025:2017.
7. Chỉ tiêu có dấu " + " là kết quả sử dụng của nhà thầu phụ.
8. Phòng thí nghiệm cam kết bảo mật các thông tin của khách hàng.



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH INVITEC
INVITEC ANALYSIS CENTER

Địa chỉ/Address: Số 12 phố Trường Lâm, Phường Việt Hưng, Thành phố
Hà Nội, Việt Nam
Tel: +84 92 567 1212
Email: hotline@invitec.vn



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

MT25110575

Tên khách hàng/Customer's name: Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng
Địa chỉ/Address: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, Tỉnh Cao Bằng
Tên mẫu/Name of sample(s): Nước máy (điểm đầu)
Mô tả mẫu/Sample description: Mẫu được lấy vào can nhựa có nắp vận thể tích 4,0L;
Bảo quản thường
Địa điểm lấy mẫu/Place of sampling: Nhà máy nước Tân An – Công ty TNHH một thành viên cấp
nước Cao Bằng
Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng
Ngày nhận mẫu/Date of sample receiving: 21/11/2025
Người lấy/gửi mẫu/Sampler: Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng
Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, Tỉnh Cao Bằng
Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Giới hạn tham chiếu** Reference limit	Phương pháp thử Test method
1.	Atrazine ($C_8H_{14}ClN_5$) và các dẫn xuất chloro-s-triazine ^a	<0,3	µg/L	100	US EPA Method 525.3:2012
2.	2-Methyl-4- chlorophenoxyacetic (MCPA) ^a	<0,5	µg/L	2	US EPA Method 555:1992
3.	Permethrin ($C_{21}H_{20}Cl_2O_3$) ^a	<0,3	µg/L	20	US EPA Method 525.3:2012
4.	Chloroform ($CHCl_3$) ^a	<0,1	µg/L	300	US EPA (5030C:2003&5035:1996 &8260D:2017)
5.	Dichloroacetonitrile (C_2HCl_2N) ^a	<0,3	µg/L	20	US EPA Method 551.1:1995

** Theo/As in: Quốc gia QCVN 01-1:2024/BYT về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
ban hành theo thông tư 52/2024/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2024

BỘ PHẬN PHÂN TÍCH
LABORATORY

Cường

KS. Nguyễn Văn Cường

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2025
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
DIRECTOR OF CENTER



ThS. Lâm Gia Vũ

- * Phép thử đã được VACI công nhận/The tests accredited by VACI
- ^a Các chỉ tiêu đánh dấu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/The test are performed by subcontractors
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the received sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm phân tích INVITEC/
The test report must not be reproduced without the written approval of INVITEC.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH INVITEC

INVITEC ANALYSIS CENTER

Địa chỉ/Address: Số 12 phố Trường Lâm, Phường Việt Hưng, Thành phố

Hà Nội, Việt Nam

Tel: +84 92 567 1212

Email: hotline@invitec.vn



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

MT25110576

Tên khách hàng/Customer's name:

Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng

Địa chỉ/Address:

Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, Tỉnh Cao Bằng

Tên mẫu/Name of sample(s):

Nước máy (điểm giữa)

Mô tả mẫu/Sample description:

Mẫu được lấy vào can nhựa có nắp vận thể tích 4,0L;

Bảo quản thường

Địa điểm lấy mẫu/Place of sampling:

Nhà máy nước Tân An – Công ty TNHH một thành viên cấp nước Cao Bằng

Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng

Ngày nhận mẫu/Date of sample receiving:

21/11/2025

Người lấy/gửi mẫu/Sampler:

Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng

Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, Tỉnh Cao Bằng

Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Giới hạn tham chiếu** Reference limit	Phương pháp thử Test method
1.	Atrazine ($C_8H_{14}ClN_5$) và các dẫn xuất chloro-s-triazine ^a	<0,3	µg/L	100	US EPA Method 525.3:2012
2.	2-Methyl-4-chlorophenoxyacetic (MCPA) ^a	<0,5	µg/L	2	US EPA Method 555:1992
3.	Permethrin ($C_{21}H_{20}Cl_2O_3$) ^a	<0,3	µg/L	20	US EPA Method 525.3:2012
4.	Chloroform ($CHCl_3$) ^a	<0,1	µg/L	300	US EPA (5030C:2003&5035:1996 &8260D:2017)
5.	Dichloroacetonitrile (C_2HCl_2N) ^a	<0,3	µg/L	20	US EPA Method 551.1:1995

** Theo/As in: Quốc gia QCVN 01-1:2024/BYT về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ban hành theo thông tư 52/2024/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2024

BỘ PHẬN PHÂN TÍCH
LABORATORY

KS. Nguyễn Văn Cường

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2025

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
DIRECTOR OF CENTER



ThS. Lâm Gia Vũ

- * Phép thử đã được VACI công nhận/The tests accredited by VACI
- ^a Các chỉ tiêu đánh dấu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/The test are performed by subcontractors
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the received sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm phân tích INVITEC/The test report must not be reproduced without the written approval of INVITEC.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

**TRUNG TÂM PHÂN TÍCH INVITEC****INVITEC ANALYSIS CENTER**

Địa chỉ/Address: Số 12 phố Trường Lâm, Phường Việt Hưng, Thành phố
Hà Nội, Việt Nam
Tel: +84 92 567 1212
Email: hotline@invitec.vn

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT**

MT25110577

Tên khách hàng/Customer's name: Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng
Địa chỉ/Address: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, Tỉnh Cao Bằng
Tên mẫu/Name of sample(s): Nước máy (điểm cuối)
Mô tả mẫu/Sample description: Mẫu được lấy vào can nhựa có nắp vận thể tích 4,0L;
Bảo quản thường
Địa điểm lấy mẫu/Place of sampling: Nhà máy nước Tân An – Công ty TNHH một thành viên cấp nước Cao Bằng
Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng
Ngày nhận mẫu/Date of sample receiving: 21/11/2025
Người lấy/gửi mẫu/Sampler: Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng
Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, Tỉnh Cao Bằng
Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Giới hạn tham chiếu** Reference limit	Phương pháp thử Test method
1.	Atrazine ($C_8H_{14}ClN_5$) và các dẫn xuất chloro-s-triazine ^a	<0,3	µg/L	100	US EPA Method 525.3:2012
2.	2-Methyl-4-chlorophenoxyacetic (MCPA) ^a	<0,5	µg/L	2	US EPA Method 555:1992
3.	Permethrin ($C_{21}H_{20}Cl_2O_3$) ^a	<0,3	µg/L	20	US EPA Method 525.3:2012
4.	Chloroform ($CHCl_3$) ^a	<0,1	µg/L	300	US EPA (5030C:2003&5035:1996 &8260D:2017)
5.	Dichloroacetonitrile (C_2HCl_2N) ^a	<0,3	µg/L	20	US EPA Method 551.1:1995

** Theo/As in: Quốc gia QCVN 01-1:2024/BYT về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ban hành theo thông tư 52/2024/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2024

**BỘ PHẬN PHÂN TÍCH
LABORATORY**

KS. Nguyễn Văn Cường

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2025
**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
DIRECTOR OF CENTER**



ThS. Lâm Gia Vũ

- * Phép thử đã được VACI công nhận/The tests accredited by VACI
- * Các chỉ tiêu đánh dấu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/The test are performed by subcontractors
- * Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the received sample(s) only.
- * Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm phân tích INVITEC/The test report must not be reproduced without the written approval of INVITEC.
- * Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

Số: 176.04/PKN-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: Nước máy (Điểm đầu) – Nhà máy nước Sông Bằng.
2. Mã số mẫu: 11.25.176.04.MG
3. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong can nhựa 2 lít, chai thủy tinh 1 lít
4. Thời gian lưu mẫu: Không lưu
5. Ngày lấy mẫu: 19/11/2025
6. Ngày nhận mẫu: 19/11/2025
7. Thời gian thử nghiệm: 19/11/2025 – 03/12/2025
8. Nơi gửi mẫu: Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Cao Bằng.
Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng.
Biên bản lấy mẫu nước.
9. Tài liệu kèm theo:
10. Kết quả thử nghiệm



STT	CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ SO SÁNH QCDP 01:2024/CB
10.01	Amoni	Máy UV - VIS	mg/l	0,0	0,3
10.2	Nitrit	Máy UV - VIS	mg/l	0,2	0,05
10.3	Nitrat	TCVN 6180: 1996	mg/l	0,47	2
10.4	Sắt TS*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOQ = 0,1)	0,3
10.5	Pecmanganat*	TCVN 6186:1996	mg/l	0,0	2
10.6	Độ cứng*	TCVN 6224:1996	mg/l	142	300
10.7	HL Sunphat	Máy UV - VIS	mg/l	7,97	250
10.8	Florua	Máy UV - VIS	mg/l	0,83	1,5
10.9	Đồng (Cuprum)*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOD = 0,03)	1
10.10	Kẽm(Zincum)*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOD = 0,03)	2
10.11	Mangan (Mn)	SMEWW3113B	mg/l	0,005	0,1
10.12	Cadimi (Cd)*	SMEWW3113B	mg/l	KPH (LOD = 0,0003)	0,003
10.13	Chì (Plumbum)*	SMEWW3113B	mg/l	KPH (LOQ = 0,002)	0,01

SỞ Y TẾ TỈNH CAO BẰNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH CAO BẰNG

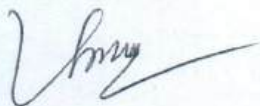
Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, tỉnh Cao Bằng/Điện thoại: 02063.852815/Fax:026.855173

Email: ttydptinhcaobang@gmail.com

10.14	Tổng số chất rắn hòa tan (TDS)	TQBYT	mg/l	150	1000
10.15	Nhôm (Aluminium)	SMEWW3113B	mg/l	0,1	0,2
10.16	S. Aureus	SMEWW9213B:2017	CFU/250ml	KPH	< 1
10.17	Ps. Aeruginosa	TCVN 8881:2011	CFU/250ml	KPH	< 1

Cao Bằng, Ngày 03 tháng 12 năm 2025

TRƯỞNG KHOA



Lục Thị Hương

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Bé Thị Bạch

Ghi chú:

1. KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp).
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của TTKSBT tỉnh Cao Bằng.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định;
6. Chỉ tiêu có dấu * là chỉ tiêu được công nhận IOS/IEC 17025:2017.
7. Chỉ tiêu có dấu " + " là kết quả sử dụng của nhà thầu phụ.
8. Phòng thí nghiệm cam kết bảo mật các thông tin của khách hàng.

BM 7.8.01

Lần ban hành: 3

Ngày sửa đổi:

Trang: 2/2

Số: 176.05/PKN-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu:
2. Mã số mẫu:
3. Mô tả mẫu:
4. Thời gian lưu mẫu:
5. Ngày lấy mẫu:
6. Ngày nhận mẫu
7. Thời gian thử nghiệm
8. Nơi gửi mẫu
9. Tài liệu kèm theo:
10. Kết quả thử nghiệm

Nước máy (Điểm giữa) – Nhà máy nước Sông Bằng.
11.25.176.05.MG

Mẫu đựng trong can nhựa 2 lít, chai thủy tinh 1 lít.

Không lưu

19/11/2025

19/11/2025

19/11/2025 – 03/12/2025

Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Cao Bằng. **VILAS 747**

Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng.

Biên bản lấy mẫu nước.



STT	CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ SO SÁNH QCDP 01:2024/CB
10.01	Amoni	Máy UV - VIS	mg/l	0,0	0,3
10.2	Nitrit	Máy UV - VIS	mg/l	0,2	0,05
10.3	Nitrat	TCVN 6180: 1996	mg/l	0,27	2
10.4	Sắt TS*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOQ = 0,1)	0,3
10.5	Pecmanganat*	TCVN 6186:1996	mg/l	0,0	2
10.6	Độ cứng*	TCVN 6224:1996	mg/l	140	300
10.7	HL Sunphat	Máy UV - VIS	mg/l	10,8	250
10.8	Florua	Máy UV - VIS	mg/l	0,76	1,5
10.9	Đồng (Cuprum)*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOD = 0,03)	1
10.10	Kẽm(Zincum)*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOD = 0,03)	2
10.11	Mangan (Mn)	SMEWW3113B	mg/l	0,003	0,1
10.12	Cadimi (Cd)*	SMEWW3113B	mg/l	KPH (LOD = 0,0003)	0,003
10.13	Chì (Plumbum)*	SMEWW3113B	mg/l	KPH (LOQ = 0,002)	0,01

SỞ Y TẾ TỈNH CAO BẰNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH CAO BẰNG

Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, tỉnh Cao Bằng/Điện thoại: 02063.852815/Fax:026.855173
Email: ttydptinhcaobang@gmail.com

10.14	Tổng số chất rắn hòa tan (TDS)	TQBYT	mg/l	140	1000
10.15	Nhôm (Aluminium)	SMEWW3113B	mg/l	0,1	0,2
10.16	S. Aureus	SMEWW9213B:2017	CFU/250ml	KPH	< 1
10.17	Ps. Aeruginosa	TCVN 8881:2011	CFU/250ml	KPH	< 1

Cao Bằng, Ngày 03 tháng 12 năm 2025

TRƯỞNG KHOA

Lục Thị Hường

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Bé Thị Bạch

Ghi chú:

1. KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp).
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của TTKSBT tỉnh Cao Bằng.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định;
6. Chỉ tiêu có dấu * là chỉ tiêu được công nhận IOS/IEC 17025:2017.
7. Chỉ tiêu có dấu " + " là kết quả sử dụng của nhà thầu phụ.
8. Phòng thí nghiệm cam kết bảo mật các thông tin của khách hàng.

BM 7.8.01

Lần ban hành: 3

Ngày sửa đổi:

Trang: 2/2

SỞ Y TẾ TỈNH CAO BẰNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH CAO BẰNG

Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, tỉnh Cao Bằng/Điện thoại: 02063.852.815/Fax:026.855173
Email: ttytdptinhcaobang@gmail.com

Số: 176.06/PKN-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu:
2. Mã số mẫu:
3. Mô tả mẫu:
4. Thời gian lưu mẫu:
5. Ngày lấy mẫu:
6. Ngày nhận mẫu
7. Thời gian thử nghiệm
8. Nơi gửi mẫu

Nước máy (Điểm cuối) – Nhà máy nước Sông Bằng.
11.25.176.06.MG

Mẫu đựng trong can nhựa 2 lít, chai thủy tinh 1 lít.
Không lưu

19/11/2025

19/11/2025

19/11/2025 – 03/12/2025

Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Cao Bằng.

Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng.

Biên bản lấy mẫu nước.



VILAS 747

9. Tài liệu kèm theo:

10. Kết quả thử nghiệm

STT	CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ SO SÁNH QCDP 01:2024/CB
10.01	Amoni	Máy UV - VIS	mg/l	0,0	0,3
10.2	Nitrit	Máy UV - VIS	mg/l	0,2	0,05
10.3	Nitrat	TCVN 6180: 1996	mg/l	0,27	2
10.4	Sắt TS*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOQ = 0,1)	0,3
10.5	Pecmanganat*	TCVN 6186:1996	mg/l	0,16	2
10.6	Độ cứng*	TCVN 6224:1996	mg/l	150	300
10.7	HL Sunphat	Máy UV - VIS	mg/l	9,5	250
10.8	Florua	Máy UV - VIS	mg/l	0,80	1,5
10.9	Đồng (Cuprum)*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOD = 0,03)	1
10.10	Kẽm(Zincum)*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOD = 0,03)	2
10.11	Mangan (Mn)	SMEWW3113B	mg/l	0,003	0,1
10.12	Cadimi (Cd)*	SMEWW3113B	mg/l	KPH (LOD = 0,0003)	0,003
10.13	Chì (Plumbum)*	SMEWW3113B	mg/l	KPH (LOQ = 0,002)	0,01

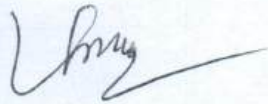
SỞ Y TẾ TỈNH CAO BẰNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH CAO BẰNG

Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, tỉnh Cao Bằng/Điện thoại: 02063.852815/Fax:026.855173
Email: ttytdptinhcaobang@gmail.com

10.14	Tổng số chất rắn hòa tan (TDS)	TQBYT	mg/l	140	1000
10.15	Nhôm (Aluminium)	SMEWW3113B	mg/l	0,1	0,2
10.16	S. Aureus	SMEWW9213B:2017	CFU/250ml	KPH	< 1
10.17	Ps. Aeruginosa	TCVN 8881:2011	CFU/250ml	KPH	< 1

Cao Bằng, Ngày 03 tháng 12 năm 2025

TRƯỞNG KHOA



Lục Thị Hương

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Bế Thị Bạch

Ghi chú:

1. KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp).
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của TTKSBT tỉnh Cao Bằng.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định;
6. Chỉ tiêu có dấu * là chỉ tiêu được công nhận IOS/IEC 17025:2017.
7. Chỉ tiêu có dấu " + " là kết quả sử dụng của nhà thầu phụ.
8. Phòng thí nghiệm cam kết bảo mật các thông tin của khách hàng.

BM 7.8.01

Lần ban hành: 3

Ngày sửa đổi:

Trang: 2/2



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH INVITEC
INVITEC ANALYSIS CENTER

Địa chỉ/Address: Số 12 phố Trường Lâm, Phường Việt Hưng, Thành phố
Hà Nội, Việt Nam
Tel: +84 92 567 1212
Email: hotline@invitec.vn



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

MT25110578

Tên khách hàng/Customer's name: Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng
Địa chỉ/Address: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, Tỉnh Cao Bằng
Tên mẫu/Name of sample(s): Nước máy (điểm đầu)
Mô tả mẫu/Sample description: Mẫu được lấy vào can nhựa có nắp vận thể tích 4,0L;
Bảo quản thường
Địa điểm lấy mẫu/Place of sampling: Nhà máy nước Sông Bằng – Công ty TNHH một thành viên cấp
nước Cao Bằng
Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng
Ngày nhận mẫu/Date of sample receiving: 21/11/2025
Người lấy/gửi mẫu/Sampler: Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng
Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, Tỉnh Cao Bằng
Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Giới hạn tham chiếu** Reference limit	Phương pháp thử Test method
1.	Atrazine ($C_8H_{14}ClN_5$) và các dẫn xuất chloro-s-triazine ^a	<0,3	µg/L	100	US EPA Method 525.3:2012
2.	2-Methyl-4- chlorophenoxyacetic (MCPA) ^a	<0,5	µg/L	2	US EPA Method 555:1992
3.	Permethrin ($C_{21}H_{20}Cl_2O_3$) ^a	<0,3	µg/L	20	US EPA Method 525.3:2012
4.	Chloroform ($CHCl_3$) ^a	<0,1	µg/L	300	US EPA (5030C:2003&5035:1996 &8260D:2017)
5.	Dichloroacetonitrile (C_2HCl_2N) ^a	<0,3	µg/L	20	US EPA Method 551.1:1995

** Theo/As in: Quốc gia QCVN 01-1:2024/BYT về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
ban hành theo thông tư 52/2024/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2024

BỘ PHẬN PHÂN TÍCH
LABORATORY

Cường

KS. Nguyễn Văn Cường

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2025
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
DIRECTOR OF CENTER



ThS. Lâm Gia Vũ

- * Phép thử đã được VACI công nhận/The tests accredited by VACI
- " Các chỉ tiêu đánh dấu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/The test are performed by subcontractors
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the received sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm phân tích INVITEC/
The test report must not be reproduced without the written approval of INVITEC.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH INVITEC
INVITEC ANALYSIS CENTER

Địa chỉ/Address: Số 12 phố Trường Lâm, Phường Việt Hưng, Thành phố
Hà Nội, Việt Nam
Tel: +84 92 567 1212
Email: hotline@invitec.vn



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

MT25110579

Tên khách hàng/Customer's name: Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng
Địa chỉ/Address: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, Tỉnh Cao Bằng
Tên mẫu/Name of sample(s): Nước máy (điểm giữa)
Mô tả mẫu/Sample description: Mẫu được lấy vào can nhựa có nắp vận thể tích 4,0L;
Bảo quản thường
Địa điểm lấy mẫu/Place of sampling: Nhà máy nước Sông Bằng – Công ty TNHH một thành viên cấp nước Cao Bằng
Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng
Ngày nhận mẫu/Date of sample receiving: 21/11/2025
Người lấy/gửi mẫu/Sampler: Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng
Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, Tỉnh Cao Bằng

Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Giới hạn tham chiếu** Reference limit	Phương pháp thử Test method
1.	Atrazine ($C_8H_{14}ClN_5$) và các dẫn xuất chloro-s-triazine ^a	<0,3	µg/L	100	US EPA Method 525.3:2012
2.	2-Methyl-4-chlorophenoxyacetic (MCPA) ^a	<0,5	µg/L	2	US EPA Method 555:1992
3.	Permethrin ($C_{21}H_{20}Cl_2O_3$) ^a	<0,3	µg/L	20	US EPA Method 525.3:2012
4.	Chloroform ($CHCl_3$) ^a	<0,1	µg/L	300	US EPA (5030C:2003&5035:1996 &8260D:2017)
5.	Dichloroacetonitrile (C_2HCl_2N) ^a	<0,3	µg/L	20	US EPA Method 551.1:1995

** Theo/As in: Quốc gia QCVN 01-1:2024/BYT về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ban hành theo thông tư 52/2024/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2024

BỘ PHẬN PHÂN TÍCH
LABORATORY

Cường

KS. Nguyễn Văn Cường

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2025
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
DIRECTOR OF CENTER



ThS. Lâm Gia Vũ

- * Phép thử đã được VACI công nhận/The tests accredited by VACI
- * Các chỉ tiêu đánh dấu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/The test are performed by subcontractors
- * Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the received sample(s) only.
- * Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm phân tích INVITEC/The test report must not be reproduced without the written approval of INVITEC.
- * Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH INVITEC
INVITEC ANALYSIS CENTER

Địa chỉ/Address: Số 12 phố Trường Lâm, Phường Việt Hưng, Thành phố
Hà Nội, Việt Nam
Tel: +84 92 567 1212
Email: hotline@invitec.vn



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

MT25110580

Tên khách hàng/Customer's name: Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng
Địa chỉ/Address: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, Tỉnh Cao Bằng
Tên mẫu/Name of sample(s): Nước máy (điểm cuối)
Mô tả mẫu/Sample description: Mẫu được lấy vào can nhựa có nắp vận thể tích 4,0L;
Bảo quản thường
Địa điểm lấy mẫu/Place of sampling: Nhà máy nước Sông Bằng – Công ty TNHH một thành viên cấp nước Cao Bằng
Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng
Ngày nhận mẫu/Date of sample receiving: 21/11/2025
Người lấy/gửi mẫu/Sampler: Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng
Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, Tỉnh Cao Bằng
Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Giới hạn tham chiếu** Reference limit	Phương pháp thử Test method
1.	Atrazine ($C_8H_{14}ClN_5$) và các dẫn xuất chloro-s-triazine ^a	<0,3	µg/L	100	US EPA Method 525.3:2012
2.	2-Methyl-4-chlorophenoxyacetic (MCPA) ^a	<0,5	µg/L	2	US EPA Method 555:1992
3.	Permethrin ($C_{21}H_{20}Cl_2O_3$) ^a	<0,3	µg/L	20	US EPA Method 525.3:2012
4.	Chloroform ($CHCl_3$) ^a	<0,1	µg/L	300	US EPA (5030C:2003&5035:1996 &8260D:2017)
5.	Dichloroacetonitrile (C_2HCl_2N) ^a	<0,3	µg/L	20	US EPA Method 551.1:1995

** Theo/As in: Quốc gia QCVN 01-1:2024/BYT về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ban hành theo thông tư 52/2024/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2024

BỘ PHẬN PHÂN TÍCH
LABORATORY

Cường

KS. Nguyễn Văn Cường

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2025
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
DIRECTOR OF CENTER



ThS. Lâm Gia Vũ

- * Phép thử đã được VACI công nhận/The tests accredited by VACI
- " Các chỉ tiêu đánh dấu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/The test are performed by subcontractors
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the received sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm phân tích INVITEC/The test report must not be reproduced without the written approval of INVITEC.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

Số: 174.07/PKN-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: Nước máy (Điểm đầu) – Tổ quản lý nước Đông Khê.
2. Mã số mẫu: 11.25.174.07.MG
3. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong can nhựa 2 lít, chai thủy tinh 1 lít.
4. Thời gian lưu mẫu: Không lưu
5. Ngày lấy mẫu: 18/11/2025
6. Ngày nhận mẫu: 18/11/2025
7. Thời gian thử nghiệm: 19/11/2025 – 03/12/2025
8. Nơi gửi mẫu: Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Cao Bằng.
Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng.
Biên bản lấy mẫu nước.
9. Tài liệu kèm theo:
10. Kết quả thử nghiệm



VILAS 747

STT	CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ SO SÁNH QCDP 01:2024/CB
10.01	Amoni	Máy UV - VIS	mg/l	0,5	0,3
10.2	Nitrit	Máy UV - VIS	mg/l	0,0	0,05
10.3	Nitrat	TCVN 6180: 1996	mg/l	0,45	2
10.4	Sắt TS*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOQ = 0,1)	0,3
10.5	Pecmanganat*	TCVN 6186:1996	mg/l	0,32	2
10.6	Độ cứng*	TCVN 6224:1996	mg/l	252	300
10.7	HL Sunphat	Máy UV - VIS	mg/l	21,3	250
10.8	Florua	Máy UV - VIS	mg/l	0,80	1,5
10.9	Đồng (Cuprum)*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOD = 0,03)	1
10.10	Kẽm(Zincum)*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOD = 0,03)	2
10.11	Mangan (Mn)	SMEWW3113B	mg/l	0,009	0,1
10.12	Cadimi (Cd)*	SMEWW3113B	mg/l	KPH (LOD = 0,0003)	0,003
10.13	Chì (Plumbum)*	SMEWW3113B	mg/l	KPH (LOQ = 0,002)	0,01

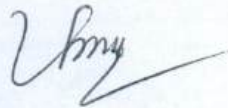
SỞ Y TẾ TỈNH CAO BẰNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH CAO BẰNG

Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, tỉnh Cao Bằng/Điện thoại: 02063.852815/Fax:026.855173
Email: ttytdptinhcaobang@gmail.com

10.14	Tổng số chất rắn hòa tan (TDS)	TQBYT	mg/l	170	1000
10.15	Nhôm (Aluminium)	SMEWW3113B	mg/l	0,07	0,2
10.16	S. Aureus	SMEWW9213B:2017	CFU/250ml	KPH	< 1
10.17	Ps. Aeruginosa	TCVN 8881:2011	CFU/250ml	KPH	< 1

Cao Bằng, Ngày 03 tháng 12 năm 2025

TRƯỞNG KHOA



Lục Thị Hường

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Bé Thị Bạch

Ghi chú:

1. KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp).
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của TTKSBT tỉnh Cao Bằng.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định;
6. Chỉ tiêu có dấu * là chỉ tiêu được công nhận IOS/IEC 17025:2017.
7. Chỉ tiêu có dấu " + " là kết quả sử dụng của nhà thầu phụ.
8. Phòng thí nghiệm cam kết bảo mật các thông tin của khách hàng.

Số: 174.08/PKN-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: Nước máy (Điểm giữa) – Tổ quản lý nước Đông Khê.
2. Mã số mẫu: 11.25.174.08.MG
3. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong can nhựa 2 lít, chai thủy tinh 1 lít.
4. Thời gian lưu mẫu: Không lưu
5. Ngày lấy mẫu: 18/11/2025
6. Ngày nhận mẫu: 18/11/2025
7. Thời gian thử nghiệm: 19/11/2025 – 03/12/2025
8. Nơi gửi mẫu: Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Cao Bằng.
Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng.
Biên bản lấy mẫu nước.
9. Tài liệu kèm theo:
10. Kết quả thử nghiệm



STT	CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ SO SÁNH QCBP 01:2024/CB
10.01	Amoni	Máy UV - VIS	mg/l	0,6	0,3
10.2	Nitrit	Máy UV - VIS	mg/l	0,0	0,05
10.3	Nitrat	TCVN 6180: 1996	mg/l	0,45	2
10.4	Sắt TS*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOQ = 0,1)	0,3
10.5	Pecmanganat*	TCVN 6186:1996	mg/l	0,32	2
10.6	Độ cứng*	TCVN 6224:1996	mg/l	240	300
10.7	HL Sunphat	Máy UV - VIS	mg/l	23,2	250
10.8	Florua	Máy UV - VIS	mg/l	0,78	1,5
10.9	Đồng (Cuprum)*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOD = 0,03)	1
10.10	Kẽm(Zincum)*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOD = 0,03)	2
10.11	Mangan (Mn)	SMEWW3113B	mg/l	0,009	0,1
10.12	Cadimi (Cd)*	SMEWW3113B	mg/l	KPH (LOD = 0,0003)	0,003
10.13	Chì (Plumbum)*	SMEWW3113B	mg/l	KPH (LOQ = 0,002)	0,01

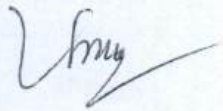
SỞ Y TẾ TỈNH CAO BẰNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH CAO BẰNG

Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, tỉnh Cao Bằng/Điện thoại: 02063.852815/Fax:026.855173
Email: ttydptinhcaobang@gmail.com

10.14	Tổng số chất rắn hòa tan (TDS)	TQBYT	mg/l	150	1000
10.15	Nhôm (Aluminium)	SMEWW3113B	mg/l	0,02	0,2
10.16	S. Aureus	SMEWW9213B:2017	CFU/250ml	KPH	< 1
10.17	Ps. Aeruginosa	TCVN 8881:2011	CFU/250ml	KPH	< 1

Cao Bằng, Ngày 03 tháng 12 năm 2025

TRƯỞNG KHOA



Lục Thị Hường

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Bé Thị Bạch

Ghi chú:

1. KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp).
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của TTKSBT tỉnh Cao Bằng.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định;
6. Chỉ tiêu có dấu * là chỉ tiêu được công nhận IOS/IEC 17025:2017.
7. Chỉ tiêu có dấu " + " là kết quả sử dụng của nhà thầu phụ.
8. Phòng thí nghiệm cam kết bảo mật các thông tin của khách hàng.

SỞ Y TẾ TỈNH CAO BẰNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH CAO BẰNG

Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, tỉnh Cao Bằng/Điện thoại: 02063.852.815/Fax:026.8551173
Email: ttytdptinhcaobang@gmail.com

Số: 174.09/PKN-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên mẫu:
- Mã số mẫu:
- Mô tả mẫu:
- Thời gian lưu mẫu:
- Ngày lấy mẫu:
- Ngày nhận mẫu:
- Thời gian thử nghiệm:
- Nơi gửi mẫu:

Nước máy (Điểm cuối) – Tổ quản lý nước Đông Khê.
11.25.174.09.MG

Mẫu đựng trong can nhựa 2 lít, chai thủy tinh 1 lít.
Không lưu

18/11/2025

18/11/2025

19/11/2025 – 03/12/2025

Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Cao Bằng.

Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng.

Biên bản lấy mẫu nước.



VILAS 747

9. Tài liệu kèm theo:

10. Kết quả thử nghiệm

STT	CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ SO SÁNH QCDP 01:2024/CB
10.01	Amoni	Máy UV - VIS	mg/l	0,2	0,3
10.2	Nitrit	Máy UV - VIS	mg/l	0,0	0,05
10.3	Nitrat	TCVN 6180: 1996	mg/l	0,36	2
10.4	Sắt TS*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOQ = 0,1)	0,3
10.5	Pecmanganat*	TCVN 6186:1996	mg/l	0,48	2
10.6	Độ cứng*	TCVN 6224:1996	mg/l	240	300
10.7	HL Sunphat	Máy UV - VIS	mg/l	18,9	250
10.8	Florua	Máy UV - VIS	mg/l	0,82	1,5
10.9	Đồng (Cuprum)*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOD = 0,03)	1
10.10	Kẽm(Zincum)*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOD = 0,03)	2
10.11	Mangan (Mn)	SMEWW3113B	mg/l	0,009	0,1
10.12	Cadimi (Cd)*	SMEWW3113B	mg/l	KPH (LOD = 0,0003)	0,003
10.13	Chì (Plumbum)*	SMEWW3113B	mg/l	KPH (LOQ = 0,002)	0,01

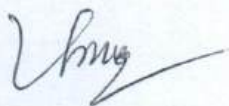
SỞ Y TẾ TỈNH CAO BẰNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH CAO BẰNG

Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, tỉnh Cao Bằng/Điện thoại: 02063.852815/Fax:026.855173
Email: ttydptinhcaobang@gmail.com

10.14	Tổng số chất rắn hòa tan (TDS)	TQBYT	mg/l	130	1000
10.15	Nhôm (Aluminium)	SMEWW3113B	mg/l	0,008	0,2
10.16	S. Aureus	SMEWW9213B:2017	CFU/250ml	KPH	< 1
10.17	Ps. Aeruginosa	TCVN 8881:2011	CFU/250ml	KPH	< 1

Cao Bằng, Ngày 03 tháng 12 năm 2025

TRƯỞNG KHOA



Lục Thị Hương

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Bé Thị Bạch

Ghi chú:

1. KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp).
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của TTKSBT tỉnh Cao Bằng.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định;
6. Chỉ tiêu có dấu * là chỉ tiêu được công nhận IOS/IEC 17025:2017.
7. Chỉ tiêu có dấu " + " là kết quả sử dụng của nhà thầu phụ.
8. Phòng thí nghiệm cam kết bảo mật các thông tin của khách hàng.



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH INVITEC
INVITEC ANALYSIS CENTER

Địa chỉ/Address: Số 12 phố Trường Lâm, Phường Việt Hưng, Thành phố
Hà Nội, Việt Nam
Tel: +84 92 567 1212
Email: hotline@invitec.vn



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

MT25110554

Tên khách hàng/Customer's name: Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng
Địa chỉ/Address: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, Tỉnh Cao Bằng
Tên mẫu/Name of sample(s): Nước máy (điểm đầu)
Mô tả mẫu/Sample description: Mẫu được lấy vào can nhựa có nắp vận thể tích 4,0L;
Bảo quản thường
Địa điểm lấy mẫu/Place of sampling: Tổ quản lý nước Đông Khê – Công ty TNHH một thành viên
cấp nước Cao Bằng
Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng
Ngày nhận mẫu/Date of sample receiving: 21/11/2025
Người lấy/gửi mẫu/Sampler: Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng
Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, Tỉnh Cao Bằng
Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Giới hạn tham chiếu** Reference limit	Phương pháp thử Test method
1.	Atrazine ($C_8H_{14}ClN_5$) và các dẫn xuất chloro-s-triazine ^a	<0,3	µg/L	100	US EPA Method 525.3:2012
2.	2-Methyl-4- chlorophenoxyacetic (MCPA) ^a	<0,5	µg/L	2	US EPA Method 555:1992
3.	Permethrin ($C_{21}H_{20}Cl_2O_3$) ^a	<0,3	µg/L	20	US EPA Method 525.3:2012
4.	Chloroform ($CHCl_3$) ^a	<0,1	µg/L	300	US EPA (5030C:2003&5035:1996 &8260D:2017)
5.	Dichloroacetonitrile (C_2HCl_2N) ^a	<0,3	µg/L	20	US EPA Method 551.1:1995

** Theo/As in: Quốc gia QCVN 01-1:2024/BYT về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
ban hành theo thông tư 52/2024/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2024

BỘ PHẬN PHÂN TÍCH
LABORATORY

Cường

KS. Nguyễn Văn Cường

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2025
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
DIRECTOR OF CENTER



ThS. Lâm Gia Vũ

- * Phép thử đã được VACI công nhận/The tests accredited by VACI
- * Các chỉ tiêu đánh dấu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/The test are performed by subcontractors
- * Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the received sample(s) only.
- * Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm phân tích INVITEC/
The test report must not be reproduced without the written approval of INVITEC.
- * Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

MT25110555

Tên khách hàng/Customer's name:

Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng

Địa chỉ/Address:

Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, Tỉnh Cao Bằng

Tên mẫu/Name of sample(s):

Nước máy (điểm giữa)

Mô tả mẫu/Sample description:

Mẫu được lấy vào can nhựa có nắp vận thể tích 4,0L;

Bảo quản thường

Địa điểm lấy mẫu/Place of sampling:

Tổ quản lý nước Đông Khê – Công ty TNHH một thành viên cấp nước Cao Bằng

Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng

Ngày nhận mẫu/Date of sample receiving:

21/11/2025

Người lấy/gửi mẫu/Sampler:

Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng

Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, Tỉnh Cao Bằng

Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Giới hạn tham chiếu** Reference limit	Phương pháp thử Test method
1.	Atrazine ($C_8H_{14}ClN_5$) và các dẫn xuất chloro-s-triazine ^a	<0,3	µg/L	100	US EPA Method 525.3:2012
2.	2-Methyl-4-chlorophenoxyacetic (MCPA) ^a	<0,5	µg/L	2	US EPA Method 555:1992
3.	Permethrin ($C_{21}H_{20}Cl_2O_3$) ^a	<0,3	µg/L	20	US EPA Method 525.3:2012
4.	Chloroform ($CHCl_3$) ^a	<0,1	µg/L	300	US EPA (5030C:2003&5035:1996 &8260D:2017)
5.	Dichloroacetonitrile (C_2HCl_2N) ^a	<0,3	µg/L	20	US EPA Method 551.1:1995

** Theo/As in: Quốc gia QCVN 01-1:2024/BYT về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ban hành theo thông tư 52/2024/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2024

BỘ PHẬN PHÂN TÍCH
LABORATORY

Cường

KS. Nguyễn Văn Cường

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2025
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
DIRECTOR OF CENTER



ThS. Lâm Gia Vũ

- * Phép thử đã được VACI công nhận/The tests accredited by VACI
- * Các chỉ tiêu đánh dấu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/The test are performed by subcontractors
- * Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the received sample(s) only.
- * Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm phân tích INVITEC/The test report must not be reproduced without the written approval of INVITEC.
- * Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

**TRUNG TÂM PHÂN TÍCH INVITEC****INVITEC ANALYSIS CENTER**

Địa chỉ/Address: Số 12 phố Trường Lâm, Phường Việt Hưng, Thành phố
Hà Nội, Việt Nam
Tel: +84 92 567 1212
Email: hotline@invitec.vn

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT**

MT25110556

Tên khách hàng/Customer's name: Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng
Địa chỉ/Address: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, Tỉnh Cao Bằng
Tên mẫu/Name of sample(s): Nước máy (điểm cuối)
Mô tả mẫu/Sample description: Mẫu được lấy vào can nhựa có nắp vận thể tích 4,0L;
Bảo quản thường
Địa điểm lấy mẫu/Place of sampling: Tổ quản lý nước Đông Khê – Công ty TNHH một thành viên
cấp nước Cao Bằng
Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng
Ngày nhận mẫu/Date of sample receiving: 21/11/2025
Người lấy/gửi mẫu/Sampler: Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng
Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, Tỉnh Cao Bằng
Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Giới hạn tham chiếu** Reference limit	Phương pháp thử Test method
1.	Atrazine ($C_8H_{14}ClN_5$) và các dẫn xuất chloro-s-triazine ^a	<0,3	µg/L	100	US EPA Method 525.3:2012
2.	2-Methyl-4- chlorophenoxyacetic (MCPA) ^a	<0,5	µg/L	2	US EPA Method 555:1992
3.	Permethrin ($C_{21}H_{20}Cl_2O_3$) ^a	<0,3	µg/L	20	US EPA Method 525.3:2012
4.	Chloroform ($CHCl_3$) ^a	<0,1	µg/L	300	US EPA (5030C:2003&5035:1996 &8260D:2017)
5.	Dichloroacetonitrile (C_2HCl_2N) ^a	<0,3	µg/L	20	US EPA Method 551.1:1995

** Theo/As in: Quốc gia QCVN 01-1:2024/BYT về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
ban hành theo thông tư 52/2024/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2024

**BỘ PHẬN PHÂN TÍCH
LABORATORY****KS. Nguyễn Văn Cường**

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2025
**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
DIRECTOR OF CENTER**

**ThS. Lâm Gia Vũ**

- * Phép thử đã được VACI công nhận/The tests accredited by VACI
- * Các chỉ tiêu đánh dấu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/The test are performed by subcontractors
- * Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the received sample(s) only.
- * Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm phân tích INVITEC/
The test report must not be reproduced without the written approval of INVITEC.
- * Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

Số: 174.04/PKN-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: Nước máy (Điểm đầu) – Tổ quản lý nước Hoà An.
2. Mã số mẫu: 11.25.174.04.MG
3. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong can nhựa 2 lít, chai thủy tinh 1 lít.
4. Thời gian lưu mẫu: Không lưu
5. Ngày lấy mẫu: 18/11/2025
6. Ngày nhận mẫu: 18/11/2025
7. Thời gian thử nghiệm: 19/11/2025 – 03/12/2025
8. Nơi gửi mẫu: Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Cao Bằng.
Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng.
Biên bản lấy mẫu nước.
9. Tài liệu kèm theo:
10. Kết quả thử nghiệm



VILAS 747

STT	CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ SO SÁNH QCDP 01:2024/CB
10.01	Amoni	Máy UV - VIS	mg/l	0,07	0,3
10.2	Nitrit	Máy UV - VIS	mg/l	0,0	0,05
10.3	Nitrat	TCVN 6180: 1996	mg/l	0,35	2
10.4	Sắt TS*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOQ = 0,1)	0,3
10.5	Pecmanganat*	TCVN 6186:1996	mg/l	0,48	2
10.6	Độ cứng*	TCVN 6224:1996	mg/l	150	300
10.7	HL Sunphat	Máy UV - VIS	mg/l	8,27	250
10.8	Florua	Máy UV - VIS	mg/l	0,75	1,5
10.9	Đồng (Cuprum)*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOD = 0,03)	1
10.10	Kẽm(Zincum)*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOD = 0,03)	2
10.11	Mangan (Mn)	SMEWW3113B	mg/l	0,004	0,1
10.12	Cadimi (Cd)*	SMEWW3113B	mg/l	KPH (LOD = 0,0003)	0,003
10.13	Chì (Plumbum)*	SMEWW3113B	mg/l	KPH (LOQ = 0,002)	0,01

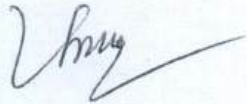
SỞ Y TẾ TỈNH CAO BẰNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH CAO BẰNG

Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, tỉnh Cao Bằng/Điện thoại: 02063.852815/Fax:026.855173
Email: ttydptinhcaobang@gmail.com

10.14	Tổng số chất rắn hòa tan (TDS)	TQBYT	mg/l	140	1000
10.15	Nhôm (Aluminium)	SMEWW3113B	mg/l	0,1	0,2
10.16	S. Aureus	SMEWW9213B:2017	CFU/250ml	KPH	< 1
10.17	Ps. Aeruginosa	TCVN 8881:2011	CFU/250ml	KPH	< 1

Cao Bằng, Ngày 03 tháng 12 năm 2025

TRƯỞNG KHOA



Lục Thị Hương

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Bé Thị Bạch

Ghi chú:

1. KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp).
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của TTKSBT tỉnh Cao Bằng.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định;
6. Chỉ tiêu có dấu * là chỉ tiêu được công nhận IOS/IEC 17025:2017.
7. Chỉ tiêu có dấu " + " là kết quả sử dụng của nhà thầu phụ.
8. Phòng thí nghiệm cam kết bảo mật các thông tin của khách hàng.

Số: 174.05/PKN-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu:
2. Mã số mẫu:
3. Mô tả mẫu:
4. Thời gian lưu mẫu:
5. Ngày lấy mẫu:
6. Ngày nhận mẫu
7. Thời gian thử nghiệm
8. Nơi gửi mẫu

Nước máy (Điểm giữa) – Tổ quản lý nước Hoà An.
11.25.174.05.MG

Mẫu đựng trong can nhựa 2 lít, chai thủy tinh 1 lít.
Không lưu

18/11/2025

18/11/2025

19/11/2025 – 03/12/2025

Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Cao Bằng.

Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng.

Biên bản lấy mẫu nước.



9. Tài liệu kèm theo:

10. Kết quả thử nghiệm

STT	CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ SO SÁNH QCDP 01:2024/CB
10.01	Amoni	Máy UV - VIS	mg/l	0,3	0,3
10.2	Nitrit	Máy UV - VIS	mg/l	0,0	0,05
10.3	Nitrat	TCVN 6180: 1996	mg/l	0,41	2
10.4	Sắt TS*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOD = 0,03)	0,3
10.5	Pecmanganat*	TCVN 6186:1996	mg/l	0,32	2
10.6	Độ cứng*	TCVN 6224:1996	mg/l	154	300
10.7	HL Sunphat	Máy UV - VIS	mg/l	9,27	250
10.8	Florua	Máy UV - VIS	mg/l	0,70	1,5
10.9	Đồng (Cuprum)*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOD = 0,03)	1
10.10	Kẽm(Zincum)*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOD = 0,03)	2
10.11	Mangan (Mn)	SMEWW3113B	mg/l	0,004	0,1
10.12	Cadimi (Cd)*	SMEWW3113B	mg/l	KPH (LOD = 0,0003)	0,003
10.13	Chì (Plumbum)*	SMEWW3113B	mg/l	KPH (LOQ = 0,002)	0,01

SỞ Y TẾ TỈNH CAO BẰNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH CAO BẰNG

Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, tỉnh Cao Bằng/Điện thoại: 02063.852815/Fax:026.855173
Email: ttydptinhcaobang@gmail.com

10.14	Tổng số chất rắn hòa tan (TDS)	TQBYT	mg/l	130	1000
10.15	Nhôm (Aluminium)	SMEWW3113B	mg/l	0,1	0,2
10.16	S. Aureus	SMEWW9213B:2017	CFU/250ml	KPH	< 1
10.17	Ps. Aeruginosa	TCVN 8881:2011	CFU/250ml	KPH	< 1

Cao Bằng, Ngày 03 tháng 12 năm 2025

TRƯỞNG KHOA



Lục Thị Hương

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Bé Thị Bạch

Ghi chú:

1. KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp).
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của TTKSBT tỉnh Cao Bằng.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định;
6. Chỉ tiêu có dấu * là chỉ tiêu được công nhận IOS/IEC 17025:2017.
7. Chỉ tiêu có dấu " + " là kết quả sử dụng của nhà thầu phụ.
8. Phòng thí nghiệm cam kết bảo mật các thông tin của khách hàng.

SỞ Y TẾ TỈNH CAO BẰNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH CAO BẰNG

Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, tỉnh Cao Bằng/Điện thoại: 02063.852.815/Fax:026.855173
Email: ttydptinhcaobang@gmail.com

Số: 174.06/PKN-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: Nước máy (Điểm cuối) – Tổ quản lý nước Hoà An.
2. Mã số mẫu: 11.25.174.06.MG
3. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong can nhựa 2 lít, chai thủy tinh 1 lít
4. Thời gian lưu mẫu: Không lưu
5. Ngày lấy mẫu: 18/11/2025
6. Ngày nhận mẫu: 18/11/2025
7. Thời gian thử nghiệm: 19/11/2025 – 03/12/2025
8. Nơi gửi mẫu: Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Cao Bằng.
Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng.
Biên bản lấy mẫu nước.
9. Tài liệu kèm theo:
10. Kết quả thử nghiệm



VILAS 747

STT	CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ SO SÁNH QCDP 01:2024/CB
10.01	Amoni	Máy UV - VIS	mg/l	0,0	0,3
10.2	Nitrit	Máy UV - VIS	mg/l	0,0	0,05
10.3	Nitrat	TCVN 6180: 1996	mg/l	0,46	2
10.4	Sắt TS*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOQ = 0,1)	0,3
10.5	Pecmanganat*	TCVN 6186:1996	mg/l	0,32	2
10.6	Độ cứng*	TCVN 6224:1996	mg/l	156	300
10.7	HL Sunphat	Máy UV - VIS	mg/l	8,55	250
10.8	Florua	Máy UV - VIS	mg/l	0,75	1,5
10.9	Đồng (Cuprum)*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOD = 0,03)	1
10.10	Kẽm(Zincum)*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOD = 0,03)	2
10.11	Mangan (Mn)	SMEWW3113B	mg/l	0,004	0,1
10.12	Cadimi (Cd)*	SMEWW3113B	mg/l	KPH (LOD = 0,0003)	0,003
10.13	Chì (Plumbum)*	SMEWW3113B	mg/l	KPH (LOQ = 0,002)	0,01

SỞ Y TẾ TỈNH CAO BẰNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH CAO BẰNG

Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, tỉnh Cao Bằng/Điện thoại: 02063.852815/Fax:026.855173
Email: ttytdptinhcaobang@gmail.com

10.14	Tổng số chất rắn hòa tan (TDS)	TQBYT	mg/l	130	1000
10.15	Nhôm (Aluminium)	SMEWW3113B	mg/l	0,1	0,2
10.16	S. Aureus	SMEWW9213B:2017	CFU/250ml	KPH	< 1
10.17	Ps. Aeruginosa	TCVN 8881:2011	CFU/250ml	KPH	< 1

Cao Bằng, Ngày 03 tháng 12 năm 2025

TRƯỞNG KHOA

Lục Thị Hường

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Bế Thị Bạch

Ghi chú:

1. KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp).
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của TTKSBT tỉnh Cao Bằng.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định;
6. Chỉ tiêu có dấu * là chỉ tiêu được công nhận IOS/IEC 17025:2017.
7. Chỉ tiêu có dấu " + " là kết quả sử dụng của nhà thầu phụ.
8. Phòng thí nghiệm cam kết bảo mật các thông tin của khách hàng.



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH INVITEC
INVITEC ANALYSIS CENTER

Địa chỉ/Address: Số 12 phố Trường Lâm, Phường Việt Hưng, Thành phố
Hà Nội, Việt Nam
Tel: +84 92 567 1212
Email: hotline@invitec.vn



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

MT25110563

Tên khách hàng/Customer's name: Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng
Địa chỉ/Address: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, Tỉnh Cao Bằng
Tên mẫu/Name of sample(s): Nước máy (điểm đầu)
Mô tả mẫu/Sample description: Mẫu được lấy vào can nhựa có nắp vặn thể tích 4,0L;
Bảo quản thường
Địa điểm lấy mẫu/Place of sampling: Tổ quản lý nước Hòa An – Công ty TNHH một thành viên cấp nước Cao Bằng
Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng
Ngày nhận mẫu/Date of sample receiving: 21/11/2025
Người lấy/gửi mẫu/Sampler: Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng
Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, Tỉnh Cao Bằng

Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Giới hạn tham chiếu** Reference limit	Phương pháp thử Test method
1.	Atrazine ($C_8H_{14}ClN_5$) và các dẫn xuất chloro-s-triazine ^a	<0,3	µg/L	100	US EPA Method 525.3:2012
2.	2-Methyl-4-chlorophenoxyacetic (MCPA) ^a	<0,5	µg/L	2	US EPA Method 555:1992
3.	Permethrin ($C_{21}H_{20}Cl_2O_3$) ^a	<0,3	µg/L	20	US EPA Method 525.3:2012
4.	Chloroform ($CHCl_3$) ^a	<0,1	µg/L	300	US EPA (5030C:2003&5035:1996 &8260D:2017)
5.	Dichloroacetonitrile (C_2HCl_2N) ^a	<0,3	µg/L	20	US EPA Method 551.1:1995

** Theo/As in: Quốc gia QCVN 01-1:2024/BYT về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ban hành theo thông tư 52/2024/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2024

BỘ PHẬN PHÂN TÍCH
LABORATORY

Cường

KS. Nguyễn Văn Cường

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2025
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
DIRECTOR OF CENTER



ThS. Lâm Gia Vũ

- * Phép thử đã được VACI công nhận/The tests accredited by VACI
- * Các chỉ tiêu đánh dấu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/The test are performed by subcontractors
- * Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the received sample(s) only.
- * Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm phân tích INVITEC/The test report must not be reproduced without the written approval of INVITEC.
- * Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

**TRUNG TÂM PHÂN TÍCH INVITEC****INVITEC ANALYSIS CENTER**

Địa chỉ/Address: Số 12 phố Trường Lâm, Phường Việt Hưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Tel: +84 92 567 1212
Email: hotline@invitec.vn

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT**

MT25110564

Tên khách hàng/Customer's name: Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng
Địa chỉ/Address: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, Tỉnh Cao Bằng
Tên mẫu/Name of sample(s): Nước máy (điểm giữa)
Mô tả mẫu/Sample description: Mẫu được lấy vào can nhựa có nắp vận thể tích 4,0L;
Bảo quản thường
Địa điểm lấy mẫu/Place of sampling: Tổ quản lý nước Hòa An – Công ty TNHH một thành viên cấp nước Cao Bằng
Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng
Ngày nhận mẫu/Date of sample receiving: 21/11/2025
Người lấy/gửi mẫu/Sampler: Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng
Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, Tỉnh Cao Bằng
Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Giới hạn tham chiếu** Reference limit	Phương pháp thử Test method
1.	Atrazine ($C_8H_{14}ClN_5$) và các dẫn xuất chloro-s-triazine ^a	<0,3	µg/L	100	US EPA Method 525.3:2012
2.	2-Methyl-4-chlorophenoxyacetic (MCPA) ^a	<0,5	µg/L	2	US EPA Method 555:1992
3.	Permethrin ($C_{21}H_{20}Cl_2O_3$) ^a	<0,3	µg/L	20	US EPA Method 525.3:2012
4.	Chloroform ($CHCl_3$) ^a	<0,1	µg/L	300	US EPA (5030C:2003&5035:1996 &8260D:2017)
5.	Dichloroacetonitrile (C_2HCl_2N) ^a	<0,3	µg/L	20	US EPA Method 551.1:1995

** Theo/As in: Quốc gia QCVN 01-1:2024/BYT về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ban hành theo thông tư 52/2024/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2024

**BỘ PHẬN PHÂN TÍCH
LABORATORY****KS. Nguyễn Văn Cường**

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2025
**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
DIRECTOR OF CENTER**

**ThS. Lâm Gia Vũ**

- * Phép thử đã được VACI công nhận/The tests accredited by VACI
- ^a Các chỉ tiêu đánh dấu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/The test are performed by subcontractors
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the received sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm phân tích INVITEC/The test report must not be reproduced without the written approval of INVITEC.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH INVITEC

INVITEC ANALYSIS CENTER

Địa chỉ/Address: Số 12 phố Trường Lâm, Phường Việt Hưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Tel: +84 92 567 1212

Email: hotline@invitec.vn



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

MT25110565

Tên khách hàng/Customer's name:

Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng

Địa chỉ/Address:

Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, Tỉnh Cao Bằng

Tên mẫu/Name of sample(s):

Nước máy (điểm cuối)

Mô tả mẫu/Sample description:

Mẫu được lấy vào can nhựa có nắp vận thể tích 4,0L;

Bảo quản thường

Địa điểm lấy mẫu/Place of sampling:

Tổ quản lý nước Hòa An – Công ty TNHH một thành viên cấp nước Cao Bằng

Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng

Ngày nhận mẫu/Date of sample receiving:

21/11/2025

Người lấy/gửi mẫu/Sampler:

Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng

Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, Tỉnh Cao Bằng

Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Giới hạn tham chiếu** Reference limit	Phương pháp thử Test method
1.	Atrazine ($C_8H_{14}ClN_5$) và các dẫn xuất chloro-s-triazine ^a	<0,3	µg/L	100	US EPA Method 525.3:2012
2.	2-Methyl-4-chlorophenoxyacetic (MCPA) ^a	<0,5	µg/L	2	US EPA Method 555:1992
3.	Permethrin ($C_{21}H_{20}Cl_2O_3$) ^a	<0,3	µg/L	20	US EPA Method 525.3:2012
4.	Chloroform ($CHCl_3$) ^a	<0,1	µg/L	300	US EPA (5030C:2003&5035:1996 &8260D:2017)
5.	Dichloroacetonitrile (C_2HCl_2N) ^a	<0,3	µg/L	20	US EPA Method 551.1:1995

** Theo/As in: Quốc gia QCVN 01-1:2024/BYT về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ban hành theo thông tư 52/2024/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2024

BỘ PHẬN PHÂN TÍCH
LABORATORY

Cường

KS. Nguyễn Văn Cường

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2025
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
DIRECTOR OF CENTER



ThS. Lâm Gia Vũ

- * Phép thử đã được VACI công nhận/The tests accredited by VACI
- * Các chỉ tiêu đánh dấu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/The test are performed by subcontractors
- * Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the received sample(s) only.
- * Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm phân tích INVITEC/The test report must not be reproduced without the written approval of INVITEC.
- * Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

Số: 174.10/PKN-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- | | |
|--------------------------|---|
| 1. Tên mẫu: | Nước máy (Điểm đầu) – Tổ quản lý nước Hạ Lang. |
| 2. Mã số mẫu: | 11.25.174.10.MG |
| 3. Mô tả mẫu: | Mẫu đựng trong can nhựa 2 lít, chai thủy tinh 1 lít |
| 4. Thời gian lưu mẫu: | Không lưu |
| 5. Ngày lấy mẫu: | 18/11/2025 |
| 6. Ngày nhận mẫu: | 18/11/2025 |
| 7. Thời gian thử nghiệm: | 19/11/2025 – 03/12/2025 |
| 8. Nơi gửi mẫu: | Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Cao Bằng.
Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng. |
| 9. Tài liệu kèm theo: | Biên bản lấy mẫu nước. |
| 10. Kết quả thử nghiệm | |



STT	CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ SO SÁNH QCDP 01:2024/CB
10.01	Amoni	Máy UV - VIS	mg/l	0,0	0,3
10.2	Nitrit	Máy UV - VIS	mg/l	0,0	0,05
10.3	Nitrat	TCVN 6180: 1996	mg/l	0,27	2
10.4	Sắt TS*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOQ = 0,1)	0,3
10.5	Pecmanganat*	TCVN 6186:1996	mg/l	0,32	2
10.6	Độ cứng*	TCVN 6224:1996	mg/l	130	300
10.7	HL Sunphat	Máy UV - VIS	mg/l	7,14	250
10.8	Florua	Máy UV - VIS	mg/l	0,85	1,5
10.9	Đồng (Cuprum)*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOD = 0,03)	1
10.10	Kẽm(Zincum)*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOD = 0,03)	2
10.11	Mangan (Mn)	SMEWW3113B	mg/l	0,009	0,1
10.12	Cadimi (Cd)*	SMEWW3113B	mg/l	KPH (LOD = 0,0003)	0,003
10.13	Chì (Plumbum)*	SMEWW3113B	mg/l	KPH (LOQ = 0,002)	0,01

SỞ Y TẾ TỈNH CAO BẰNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH CAO BẰNG

Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, tỉnh Cao Bằng/Điện thoại: 02063.852815/Fax:026.855173

Email: ttytdptinhcaobang@gmail.com

10.14	Tổng số chất rắn hòa tan (TDS)	TQBYT	mg/l	120	1000
10.15	Nhôm (Aluminium)	SMEWW3113B	mg/l	0,02	0,2
10.16	S. Aureus	SMEWW9213B:2017	CFU/250ml	KPH	< 1
10.17	Ps. Aeruginosa	TCVN 8881:2011	CFU/250ml	KPH	< 1

Cao Bằng, Ngày 03 tháng 12 năm 2025

TRƯỞNG KHOA



Lục Thị Hương

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Bê Thị Bạch

Ghi chú:

1. KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp).
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của TTKSBT tỉnh Cao Bằng.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định;
6. Chỉ tiêu có dấu * là chỉ tiêu được công nhận IOS/IEC 17025:2017.
7. Chỉ tiêu có dấu "+" là kết quả sử dụng của nhà thầu phụ.
8. Phòng thí nghiệm cam kết bảo mật các thông tin của khách hàng.

BM 7.8.01

Lần ban hành: 3

Ngày sửa đổi:

Trang: 2/2

SỞ Y TẾ TỈNH CAO BẰNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH CAO BẰNG

Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, tỉnh Cao Bằng/Điện thoại: 02063.852.815/Fax:026.855173
Email: ttydptinhcaobang@gmail.com

Số: 174.11/PKN-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu:
2. Mã số mẫu:
3. Mô tả mẫu:
4. Thời gian lưu mẫu:
5. Ngày lấy mẫu:
6. Ngày nhận mẫu:
7. Thời gian thử nghiệm:
8. Nơi gửi mẫu:

Nước máy (Điểm giữa) – Tổ quản lý nước Hạ Lang.
11.25.174.11.MG

Mẫu đựng trong can nhựa 2 lít, chai thủy tinh 1 lít.

Không lưu

18/11/2025

18/11/2025

19/11/2025 – 03/12/2025

Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Cao Bằng. **VILAS 747**

Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng.

Biên bản lấy mẫu nước.



9. Tài liệu kèm theo:

10. Kết quả thử nghiệm

STT	CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ SO SÁNH QCDP 01:2024/CB
10.01	Amoni	Máy UV - VIS	mg/l	0,0	0,3
10.2	Nitrit	Máy UV - VIS	mg/l	0,0	0,05
10.3	Nitrat	TCVN 6180: 1996	mg/l	0,24	2
10.4	Sắt TS*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOQ = 0,1)	0,3
10.5	Pecmanganat*	TCVN 6186:1996	mg/l	0,48	2
10.6	Độ cứng*	TCVN 6224:1996	mg/l	110	300
10.7	HL Sunphat	Máy UV - VIS	mg/l	7,60	250
10.8	Florua	Máy UV - VIS	mg/l	0,76	1,5
10.9	Đồng (Cuprum)*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOD = 0,03)	1
10.10	Kẽm(Zincum)*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOD = 0,03)	2
10.11	Mangan (Mn)	SMEWW3113B	mg/l	0,01	0,1
10.12	Cadimi (Cd)*	SMEWW3113B	mg/l	KPH (LOD = 0,0003)	0,003
10.13	Chì (Plumbum)*	SMEWW3113B	mg/l	KPH (LOQ = 0,002)	0,01

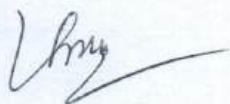
SỞ Y TẾ TỈNH CAO BẰNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH CAO BẰNG

Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, tỉnh Cao Bằng/Điện thoại: 02063.852815/Fax:026.855173
Email: ttytdptinhcaobang@gmail.com

10.14	Tổng số chất rắn hòa tan (TDS)	TQBYT	mg/l	120	1000
10.15	Nhôm (Aluminium)	SMEWW3113B	mg/l	0,001	0,2
10.16	S. Aureus	SMEWW9213B:2017	CFU/250ml	KPH	< 1
10.17	Ps. Aeruginosa	TCVN 8881:2011	CFU/250ml	KPH	< 1

Cao Bằng, Ngày 03 tháng 12 năm 2025

TRƯỞNG KHOA



Lục Thị Hương

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Bế Thị Bạch

Ghi chú:

1. KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp).
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của TTKSBT tỉnh Cao Bằng.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định;
6. Chỉ tiêu có dấu * là chỉ tiêu được công nhận IOS/IEC 17025:2017.
7. Chỉ tiêu có dấu " + " là kết quả sử dụng của nhà thầu phụ.
8. Phòng thí nghiệm cam kết bảo mật các thông tin của khách hàng.

SỞ Y TẾ TỈNH CAO BẰNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH CAO BẰNG

Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, tỉnh Cao Bằng/Điện thoại: 02063.852.815/Fax:026.855173
Email: ttydptinhcaobang@gmail.com

Số: 174.12/PKN-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: Nước máy (Điểm cuối) – Tổ quản lý nước Hạ Lang.
2. Mã số mẫu: 11.25.174.12.MG
3. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong can nhựa 2 lít, chai thủy tinh 1/1 lít.
4. Thời gian lưu mẫu: Không lưu
5. Ngày lấy mẫu: 18/11/2025
6. Ngày nhận mẫu: 18/11/2025
7. Thời gian thử nghiệm: 19/11/2025 – 03/12/2025
8. Nơi gửi mẫu: Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Cao Bằng.
Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng.
Biên bản lấy mẫu nước.
9. Tài liệu kèm theo:
10. Kết quả thử nghiệm



STT	CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ SO SÁNH QCDP 01:2024/CB
10.01	Amoni	Máy UV - VIS	mg/l	0,0	0,3
10.2	Nitrit	Máy UV - VIS	mg/l	0,0	0,05
10.3	Nitrat	TCVN 6180: 1996	mg/l	0,25	2
10.4	Sắt TS*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOQ = 0,1)	0,3
10.5	Pecmanganat*	TCVN 6186:1996	mg/l	0,32	2
10.6	Độ cứng*	TCVN 6224:1996	mg/l	110	300
10.7	HL Sunphat	Máy UV - VIS	mg/l	9,17	250
10.8	Florua	Máy UV - VIS	mg/l	0,70	1,5
10.9	Đồng (Cuprum)*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOD = 0,03)	1
10.10	Kẽm(Zincum)*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOD = 0,03)	2
10.11	Mangan (Mn)	SMEWW3113B	mg/l	0,01	0,1
10.12	Cadimi (Cd)*	SMEWW3113B	mg/l	KPH (LOD = 0,0003)	0,003
10.13	Chì (Plumbum)*	SMEWW3113B	mg/l	KPH (LOQ = 0,002)	0,01

SỞ Y TẾ TỈNH CAO BẰNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH CAO BẰNG

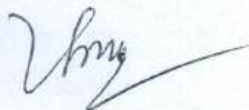
Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, tỉnh Cao Bằng/Điện thoại: 02063.852815/Fax:026.855173

Email: ttydptinhcaobang@gmail.com

10.14	Tổng số chất rắn hòa tan (TDS)	TQBYT	mg/l	120	1000
10.15	Nhôm (Aluminium)	SMEWW3113B	mg/l	0,001	0,2
10.16	S. Aureus	SMEWW9213B:2017	CFU/250ml	KPH	< 1
10.17	Ps. Aeruginosa	TCVN 8881:2011	CFU/250ml	KPH	< 1

Cao Bằng, Ngày 03 tháng 12 năm 2025

TRƯỞNG KHOA



Lục Thị Hường

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Bế Thị Bạch

Ghi chú:

1. KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp).
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của TTCSBT tỉnh Cao Bằng.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định;
6. Chỉ tiêu có dấu * là chỉ tiêu được công nhận IOS/IEC 17025:2017.
7. Chỉ tiêu có dấu " + " là kết quả sử dụng của nhà thầu phụ.
8. Phòng thí nghiệm cam kết bảo mật các thông tin của khách hàng.



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH INVITEC
INVITEC ANALYSIS CENTER

Địa chỉ/Address: Số 12 phố Trường Lâm, Phường Việt Hưng, Thành phố
Hà Nội, Việt Nam
Tel: +84 92 567 1212
Email: hotline@invitec.vn



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

MT25110557

Tên khách hàng/Customer's name: Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng
Địa chỉ/Address: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, Tỉnh Cao Bằng
Tên mẫu/Name of sample(s): Nước máy (điểm đầu)
Mô tả mẫu/Sample description: Mẫu được lấy vào can nhựa có nắp vận thể tích 4,0L;
Bảo quản thường
Địa điểm lấy mẫu/Place of sampling: Tổ quản lý nước Hạ Lang – Công ty TNHH một thành viên cấp nước Cao Bằng
Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng
Ngày nhận mẫu/Date of sample receiving: 21/11/2025
Người lấy/gửi mẫu/Sampler: Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng
Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, Tỉnh Cao Bằng

Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Giới hạn tham chiếu** Reference limit	Phương pháp thử Test method
1.	Atrazine ($C_8H_{14}ClN_5$) và các dẫn xuất chloro-s-triazine ^a	<0,3	µg/L	100	US EPA Method 525.3:2012
2.	2-Methyl-4-chlorophenoxyacetic (MCPA) ^a	<0,5	µg/L	2	US EPA Method 555:1992
3.	Permethrin ($C_{21}H_{20}Cl_2O_3$) ^a	<0,3	µg/L	20	US EPA Method 525.3:2012
4.	Chloroform ($CHCl_3$) ^a	<0,1	µg/L	300	US EPA (5030C:2003&5035:1996 &8260D:2017)
5.	Dichloroacetonitrile (C_2HCl_2N) ^a	<0,3	µg/L	20	US EPA Method 551.1:1995

** Theo/As in: Quốc gia QCVN 01-1:2024/BYT về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ban hành theo thông tư 52/2024/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2024

BỘ PHẬN PHÂN TÍCH
LABORATORY

KS. Nguyễn Văn Cường

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2025
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
DIRECTOR OF CENTER



ThS. Lâm Gia Vũ

- * Phép thử đã được VACI công nhận/The tests accredited by VACI
- * Các chỉ tiêu đánh dấu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/The test are performed by subcontractors
- * Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the received sample(s) only.
- * Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm phân tích INVITEC/The test report must not be reproduced without the written approval of INVITEC.
- * Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH INVITEC

INVITEC ANALYSIS CENTER

Địa chỉ/Address: Số 12 phố Trường Lâm, Phường Việt Hưng, Thành phố
Hà Nội, Việt Nam
Tel: +84 92 567 1212
Email: hotline@invitec.vn



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

MT25110558

Tên khách hàng/Customer's name: Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng
Địa chỉ/Address: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, Tỉnh Cao Bằng
Tên mẫu/Name of sample(s): Nước máy (điểm giữa)
Mô tả mẫu/Sample description: Mẫu được lấy vào can nhựa có nắp vận thể tích 4,0L;
Bảo quản thường
Địa điểm lấy mẫu/Place of sampling: Tổ quản lý nước Hạ Lang – Công ty TNHH một thành viên cấp nước Cao Bằng
Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng
Ngày nhận mẫu/Date of sample receiving: 21/11/2025
Người lấy/gửi mẫu/Sampler: Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng
Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, Tỉnh Cao Bằng
Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Giới hạn tham chiếu** Reference limit	Phương pháp thử Test method
1.	Atrazine ($C_8H_{14}ClN_5$) và các dẫn xuất chloro-s-triazine ^a	<0,3	µg/L	100	US EPA Method 525.3:2012
2.	2-Methyl-4-chlorophenoxyacetic (MCPA) ^a	<0,5	µg/L	2	US EPA Method 555:1992
3.	Permethrin ($C_{21}H_{20}Cl_2O_3$) ^a	<0,3	µg/L	20	US EPA Method 525.3:2012
4.	Chloroform ($CHCl_3$) ^a	<0,1	µg/L	300	US EPA (5030C:2003&5035:1996 &8260D:2017)
5.	Dichloroacetonitrile (C_2HCl_2N) ^a	<0,3	µg/L	20	US EPA Method 551.1:1995

** Theo/As in: Quốc gia QCVN 01-1:2024/BYT về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ban hành theo thông tư 52/2024/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2024

BỘ PHẬN PHÂN TÍCH
LABORATORY

KS. Nguyễn Văn Cường

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2025
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
DIRECTOR OF CENTER



ThS. Lâm Gia Vũ

- * Phép thử đã được VACI công nhận/The tests accredited by VACI
- * Các chỉ tiêu đánh dấu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/The test are performed by subcontractors
- * Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the received sample(s) only.
- * Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm phân tích INVITEC/The test report must not be reproduced without the written approval of INVITEC.
- * Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

**TRUNG TÂM PHÂN TÍCH INVITEC****INVITEC ANALYSIS CENTER**

Địa chỉ/Address: Số 12 phố Trường Lâm, Phường Việt Hưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Tel: +84 92 567 1212
Email: hotline@invitec.vn

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT**

MT25110559

Tên khách hàng/Customer's name: Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng
Địa chỉ/Address: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, Tỉnh Cao Bằng
Tên mẫu/Name of sample(s): Nước máy (điểm cuối)
Mô tả mẫu/Sample description: Mẫu được lấy vào can nhựa có nắp vận thể tích 4,0L;
Bảo quản thường
Địa điểm lấy mẫu/Place of sampling: Tổ quản lý nước Hạ Lang – Công ty TNHH một thành viên cấp nước Cao Bằng
Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng
Ngày nhận mẫu/Date of sample receiving: 21/11/2025
Người lấy/gửi mẫu/Sampler: Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng
Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, Tỉnh Cao Bằng

Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Giới hạn tham chiếu** Reference limit	Phương pháp thử Test method
1.	Atrazine ($C_8H_{14}ClN_5$) và các dẫn xuất chloro-s-triazine ^a	<0,3	µg/L	100	US EPA Method 525.3:2012
2.	2-Methyl-4-chlorophenoxyacetic (MCPA) ^a	<0,5	µg/L	2	US EPA Method 555:1992
3.	Permethrin ($C_{21}H_{20}Cl_2O_3$) ^a	<0,3	µg/L	20	US EPA Method 525.3:2012
4.	Chloroform ($CHCl_3$) ^a	<0,1	µg/L	300	US EPA (5030C:2003&5035:1996 &8260D:2017)
5.	Dichloroacetonitrile (C_2HCl_2N) ^a	<0,3	µg/L	20	US EPA Method 551.1:1995

** Theo/As in: Quốc gia QCVN 01-1:2024/BYT về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ban hành theo thông tư 52/2024/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2024

**BỘ PHẬN PHÂN TÍCH
LABORATORY****KS. Nguyễn Văn Cường**

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2025
**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
DIRECTOR OF CENTER**

**ThS. Lâm Gia Vũ**

- * Phép thử đã được VACI công nhận/The tests accredited by VACI
- * Các chỉ tiêu đánh dấu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/The test are performed by subcontractors
- * Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the received sample(s) only.
- * Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm phân tích INVITEC/The test report must not be reproduced without the written approval of INVITEC.
- * Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

SỞ Y TẾ TỈNH CAO BẰNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH CAO BẰNG

Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, tỉnh Cao Bằng/Điện thoại: 02063.852.815/Fax:026.855173
Email: ttydptinhcaobang@gmail.com

Số: 173.07/PKN-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu:
2. Mã số mẫu:
3. Mô tả mẫu:
4. Thời gian lưu mẫu:
5. Ngày lấy mẫu:
6. Ngày nhận mẫu
7. Thời gian thử nghiệm
8. Nơi gửi mẫu
9. Tài liệu kèm theo:
10. Kết quả thử nghiệm

Nước máy (Điểm đầu) – Tổ quản lý nước Nguyên Bình.

11.25.173.07.MG

Mẫu đựng trong can nhựa 2 lít, chai thủy tinh 1 lít.

Không lưu

17/11/2025

17/11/2025

18/11/2025 – 03/12/2025

Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Cao Bằng.

Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng.

Biên bản lấy mẫu nước.



VILAS 747

STT	CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ SO SÁNH QCDP 01:2024/CB
10.01	Amoni	Máy UV - VIS	mg/l	0,8	0,3
10.2	Nitrit	Máy UV - VIS	mg/l	0,0	0,05
10.3	Nitrat	TCVN 6180: 1996	mg/l	0,17	2
10.4	Sắt TS*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOD = 0,03)	0,3
10.5	Pecmanganat*	TCVN 6186:1996	mg/l	3,39	2
10.6	Độ cứng*	TCVN 6224:1996	mg/l	150	300
10.7	HL Sunphat	Máy UV - VIS	mg/l	1,29	250
10.8	Florua	Máy UV - VIS	mg/l	0,81	1,5
10.9	Đồng (Cuprum)*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOD = 0,03)	1
10.10	Kẽm(Zincum)*	SMEWW3111B	mg/l	0,2	2
10.11	Mangan (Mn)	SMEWW3113B	mg/l	0,0	0,1
10.12	Cadimi (Cd)*	SMEWW3113B	mg/l	KPH (LOD = 0,0003)	0,003
10.13	Chì (Plumbum)*	SMEWW3113B	mg/l	KPH (LOQ = 0,002)	0,01

SỞ Y TẾ TỈNH CAO BẰNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH CAO BẰNG

Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, tỉnh Cao Bằng/Điện thoại: 02063.852815/Fax:026.855173
Email: ttydptinhcaobang@gmail.com

10.14	Tổng số chất rắn hòa tan (TDS)	TQBYT	mg/l	20	1000
10.15	Nhôm (Aluminium)	SMEWW3113B	mg/l	0,01	0,2
10.16	S. Aureus	SMEWW9213B:2017	CFU/250ml	KPH	< 1
10.17	Ps. Aeruginosa	TCVN 8881:2011	CFU/250ml	KPH	< 1

Cao Bằng, Ngày 03 tháng 12 năm 2025

TRƯỞNG KHOA



Lục Thị Hường

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Bế Thị Bạch

Ghi chú:

1. KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp).
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của TTKSBT tỉnh Cao Bằng.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định;
6. Chỉ tiêu có dấu * là chỉ tiêu được công nhận IOS/IEC 17025:2017.
7. Chỉ tiêu có dấu " + " là kết quả sử dụng của nhà thầu phụ.
8. Phòng thí nghiệm cam kết bảo mật các thông tin của khách hàng.

SỞ Y TẾ TỈNH CAO BẰNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH CAO BẰNG

Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, tỉnh Cao Bằng/Điện thoại: 02063.852.815/Fax:026.855173
Email: ttydptinhcaobang@gmail.com

Số: 173.08/PKN-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên mẫu:
- Mã số mẫu:
- Mô tả mẫu:
- Thời gian lưu mẫu:
- Ngày lấy mẫu:
- Ngày nhận mẫu:
- Thời gian thử nghiệm:
- Nơi gửi mẫu:
- Tài liệu kèm theo:
- Kết quả thử nghiệm

Nước máy (Điểm giữa) – Tổ quản lý nước Nguyên Bình.
11.25.173.08.MG

Mẫu đựng trong can nhựa 2 lít, chai thủy tinh 1 lít.
Không lưu

17/11/2025

17/11/2025

18/11/2025 – 03/12/2025

Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Cao Bằng.

Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng.

Biên bản lấy mẫu nước.



VILAS 747

STT	CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ SO SÁNH QCBP 01:2024/CB
10.01	Amoni	Máy UV - VIS	mg/l	0,8	0,3
10.2	Nitrit	Máy UV - VIS	mg/l	0,0	0,05
10.3	Nitrat	TCVN 6180: 1996	mg/l	0,16	2
10.4	Sắt TS*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOQ = 0,1)	0,3
10.5	Pecmanganat*	TCVN 6186:1996	mg/l	1,14	2
10.6	Độ cứng*	TCVN 6224:1996	mg/l	26	300
10.7	HL Sunphat	Máy UV - VIS	mg/l	3,36	250
10.8	Florua	Máy UV - VIS	mg/l	0,73	1,5
10.9	Đồng (Cuprum)*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOD = 0,03)	1
10.10	Kẽm(Zincum)*	SMEWW3111B	mg/l	0,2	2
10.11	Mangan (Mn)	SMEWW3113B	mg/l	0,0	0,1
10.12	Cadimi (Cd)*	SMEWW3113B	mg/l	KPH (LOD = 0,0003)	0,003
10.13	Chì (Plumbum)*	SMEWW3113B	mg/l	KPH (LOQ = 0,002)	0,01

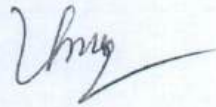
SỞ Y TẾ TỈNH CAO BẰNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH CAO BẰNG

Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, tỉnh Cao Bằng/Điện thoại: 02063.852815/Fax:026.855173
Email: ttydptinhcaobang@gmail.com

10.14	Tổng số chất rắn hòa tan (TDS)	TQBYT	mg/l	20	1000
10.15	Nhôm (Aluminium)	SMEWW3113B	mg/l	0,04	0,2
10.16	S. Aureus	SMEWW9213B:2017	CFU/250ml	KPH	< 1
10.17	Ps. Aeruginosa	TCVN 8881:2011	CFU/250ml	KPH	< 1

Cao Bằng, Ngày 03 tháng 12 năm 2025

TRƯỞNG KHOA



Lục Thị Hương

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Bế Thị Bạch

Ghi chú:

1. KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp).
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của TTKSBT tỉnh Cao Bằng.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định;
6. Chỉ tiêu có dấu * là chỉ tiêu được công nhận IOS/IEC 17025:2017.
7. Chỉ tiêu có dấu " + " là kết quả sử dụng của nhà thầu phụ.
8. Phòng thí nghiệm cam kết bảo mật các thông tin của khách hàng.

Số: 173.09/PKN-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu:
2. Mã số mẫu:
3. Mô tả mẫu:
4. Thời gian lưu mẫu:
5. Ngày lấy mẫu:
6. Ngày nhận mẫu:
7. Thời gian thử nghiệm:
8. Nơi gửi mẫu:

Nước máy (Điểm cuối) – Tổ quản lý nước Nguyên Bình.
11.25.173.09.MG

Mẫu đựng trong can nhựa 2 lít, chai thủy tinh 1 lít.

Không lưu

17/11/2025

17/11/2025

18/11/2025 – 03/12/2025

Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Cao Bằng.

Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng.

Biên bản lấy mẫu nước.



VILAS 747

9. Tài liệu kèm theo:

10. Kết quả thử nghiệm

STT	CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ SO SÁNH QCDP 01:2024/CB
10.01	Amoni	Máy UV - VIS	mg/l	0,6	0,3
10.2	Nitrit	Máy UV - VIS	mg/l	0,0	0,05
10.3	Nitrat	TCVN 6180: 1996	mg/l	0,35	2
10.4	Sắt TS*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOD = 0,03)	0,3
10.5	Pecmanganat*	TCVN 6186:1996	mg/l	3,39	2
10.6	Độ cứng*	TCVN 6224:1996	mg/l	14	300
10.7	HL Sunphat	Máy UV - VIS	mg/l	3,75	250
10.8	Florua	Máy UV - VIS	mg/l	0,75	1,5
10.9	Đồng (Cuprum)*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOD = 0,03)	1
10.10	Kẽm(Zincum)*	SMEWW3111B	mg/l	0,2	2
10.11	Mangan (Mn)	SMEWW3113B	mg/l	0,002	0,1
10.12	Cadimi (Cd)*	SMEWW3113B	mg/l	KPH (LOD = 0,0003)	0,003
10.13	Chì (Plumbum)*	SMEWW3113B	mg/l	KPH (LOQ = 0,002)	0,01

SỞ Y TẾ TỈNH CAO BẰNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH CAO BẰNG

Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, tỉnh Cao Bằng/Điện thoại: 02063.852815/Fax:026.855173
Email: ttytdptinhcaobang@gmail.com

10.14	Tổng số chất rắn hòa tan (TDS)	TQBYT	mg/l	20	1000
10.15	Nhôm (Aluminium)	SMEWW3113B	mg/l	0,008	0,2
10.16	S. Aureus	SMEWW9213B:2017	CFU/250ml	KPH	< 1
10.17	Ps. Aeruginosa	TCVN 8881:2011	CFU/250ml	KPH	< 1

Cao Bằng, Ngày 03 tháng 12 năm 2025

TRƯỞNG KHOA



Lục Thị Hương

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Bế Thị Bạch

Ghi chú:

1. KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp).
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của TTKSBT tỉnh Cao Bằng.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định;
6. Chỉ tiêu có dấu * là chỉ tiêu được công nhận IOS/IEC 17025:2017.
7. Chỉ tiêu có dấu " + " là kết quả sử dụng của nhà thầu phụ.
8. Phòng thí nghiệm cam kết bảo mật các thông tin của khách hàng.

**TRUNG TÂM PHÂN TÍCH INVITEC****INVITEC ANALYSIS CENTER**

Địa chỉ/Address: Số 12 phố Trường Lâm, Phường Việt Hưng, Thành phố
Hà Nội, Việt Nam
Tel: +84 92 567 1212
Email: hotline@invitec.vn

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT**

MT25110560

Tên khách hàng/Customer's name: Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng
Địa chỉ/Address: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, Tỉnh Cao Bằng
Tên mẫu/Name of sample(s): Nước máy (điểm đầu)
Mô tả mẫu/Sample description: Mẫu được lấy vào can nhựa có nắp vận thể tích 4,0L;
Bảo quản thường
Địa điểm lấy mẫu/Place of sampling: Tổ quản lý nước Nguyên Bình – Công ty TNHH một thành viên
cấp nước Cao Bằng
Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng
Ngày nhận mẫu/Date of sample receiving: 21/11/2025
Người lấy/gửi mẫu/Sampler: Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng
Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, Tỉnh Cao Bằng
Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Giới hạn tham chiếu** Reference limit	Phương pháp thử Test method
1.	Atrazine ($C_8H_{14}ClN_5$) và các dẫn xuất chloro-s-triazine ^a	<0,3	µg/L	100	US EPA Method 525.3:2012
2.	2-Methyl-4- chlorophenoxyacetic (MCPA) ^a	<0,5	µg/L	2	US EPA Method 555:1992
3.	Permethrin ($C_{21}H_{20}Cl_2O_3$) ^a	<0,3	µg/L	20	US EPA Method 525.3:2012
4.	Chloroform ($CHCl_3$) ^a	<0,1	µg/L	300	US EPA (5030C:2003&5035:1996 &8260D:2017)
5.	Dichloroacetonitrile (C_2HCl_2N) ^a	<0,3	µg/L	20	US EPA Method 551.1:1995

** Theo/As in: Quốc gia QCVN 01-1:2024/BYT về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
ban hành theo thông tư 52/2024/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2024

**BỘ PHẬN PHÂN TÍCH
LABORATORY****KS. Nguyễn Văn Cường**

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2025
**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
DIRECTOR OF CENTER**

**ThS. Lâm Gia Vũ**

- * Phép thử đã được VACI công nhận/The tests accredited by VACI
- ^a Các chỉ tiêu đánh dấu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/The test are performed by subcontractors
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the received sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm phân tích INVITEC/
The test report must not be reproduced without the written approval of INVITEC.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH INVITEC

INVITEC ANALYSIS CENTER

Địa chỉ/Address: Số 12 phố Trường Lâm, Phường Việt Hưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Tel: +84 92 567 1212

Email: hotline@invitec.vn



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

MT25110561

Tên khách hàng/Customer's name:

Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng

Địa chỉ/Address:

Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, Tỉnh Cao Bằng

Tên mẫu/Name of sample(s):

Nước máy (điểm giữa)

Mô tả mẫu/Sample description:

Mẫu được lấy vào can nhựa có nắp vận thể tích 4,0L;

Bảo quản thường

Địa điểm lấy mẫu/Place of sampling:

Tổ quản lý nước Nguyên Bình – Công ty TNHH một thành viên cấp nước Cao Bằng

Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng

Ngày nhận mẫu/Date of sample receiving:

21/11/2025

Người lấy/gửi mẫu/Sampler:

Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng

Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, Tỉnh Cao Bằng

Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Giới hạn tham chiếu** Reference limit	Phương pháp thử Test method
1.	Atrazine ($C_8H_{14}ClN_5$) và các dẫn xuất chloro-s-triazine ^a	<0,3	µg/L	100	US EPA Method 525.3:2012
2.	2-Methyl-4-chlorophenoxyacetic (MCPA) ^a	<0,5	µg/L	2	US EPA Method 555:1992
3.	Permethrin ($C_{21}H_{20}Cl_2O_3$) ^a	<0,3	µg/L	20	US EPA Method 525.3:2012
4.	Chloroform ($CHCl_3$) ^a	<0,1	µg/L	300	US EPA (5030C:2003&5035:1996 &8260D:2017)
5.	Dichloroacetonitrile (C_2HCl_2N) ^a	<0,3	µg/L	20	US EPA Method 551.1:1995

** Theo/As in: Quốc gia QCVN 01-1:2024/BYT về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ban hành theo thông tư 52/2024/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2024

BỘ PHẬN PHÂN TÍCH
LABORATORY

KS. Nguyễn Văn Cường

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2025

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
DIRECTOR OF CENTER



ThS. Lâm Gia Vũ

- * Phép thử đã được VACI công nhận/The tests accredited by VACI
- * Các chỉ tiêu đánh dấu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/The test are performed by subcontractors
- * Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the received sample(s) only.
- * Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm phân tích INVITEC/The test report must not be reproduced without the written approval of INVITEC.
- * Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH INVITEC
INVITEC ANALYSIS CENTER

Địa chỉ/Address: Số 12 phố Trường Lâm, Phường Việt Hưng, Thành phố
Hà Nội, Việt Nam
Tel: +84 92 567 1212
Email: hotline@invitec.vn



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

MT25110562

Tên khách hàng/Customer's name: Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng
Địa chỉ/Address: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, Tỉnh Cao Bằng
Tên mẫu/Name of sample(s): Nước máy (điểm cuối)
Mô tả mẫu/Sample description: Mẫu được lấy vào can nhựa có nắp vận thể tích 4,0L;
Bảo quản thường
Địa điểm lấy mẫu/Place of sampling: Tổ quản lý nước Nguyên Bình – Công ty TNHH một thành viên
cấp nước Cao Bằng
Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng
Ngày nhận mẫu/Date of sample receiving: 21/11/2025
Người lấy/gửi mẫu/Sampler: Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng
Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, Tỉnh Cao Bằng
Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Giới hạn tham chiếu** Reference limit	Phương pháp thử Test method
1.	Atrazine ($C_8H_{14}ClN_5$) và các dẫn xuất chloro-s-triazine ^a	<0,3	µg/L	100	US EPA Method 525.3:2012
2.	2-Methyl-4- chlorophenoxyacetic (MCPA) ^a	<0,5	µg/L	2	US EPA Method 555:1992
3.	Permethrin ($C_{21}H_{20}Cl_2O_3$) ^a	<0,3	µg/L	20	US EPA Method 525.3:2012
4.	Chloroform ($CHCl_3$) ^a	<0,1	µg/L	300	US EPA (5030C:2003&5035:1996 &8260D:2017)
5.	Dichloroacetonitrile (C_2HCl_2N) ^a	<0,3	µg/L	20	US EPA Method 551.1:1995

** Theo/As in: Quốc gia QCVN 01-1:2024/BYT về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
ban hành theo thông tư 52/2024/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2024

BỘ PHẬN PHÂN TÍCH
LABORATORY

Cường

KS. Nguyễn Văn Cường

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2025
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
DIRECTOR OF CENTER



ThS. Lâm Gia Vũ

- * Phép thử đã được VACI công nhận/The tests accredited by VACI
- * Các chỉ tiêu đánh dấu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/The test are performed by subcontractors
- * Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm phân tích INVITEC/
The test report must not be reproduced without the written approval of INVITEC.
- * Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

SỞ Y TẾ TỈNH CAO BẰNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH CAO BẰNG

Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, tỉnh Cao Bằng/Điện thoại: 02063.852.815/Fax:026.855173
Email: ttydptinhcaobang@gmail.com

Số: 174.01/PKN-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: Nước máy (Điểm đầu) – Tổ quản lý nước Quảng Uyên.
2. Mã số mẫu: 11.25.174.01.MG
3. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong can nhựa 2 lít, chai thủy tinh 1 lít.
4. Thời gian lưu mẫu: Không lưu
5. Ngày lấy mẫu: 18/11/2025
6. Ngày nhận mẫu: 18/11/2025
7. Thời gian thử nghiệm: 19/11/2025 – 03/12/2025
8. Nơi gửi mẫu: Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Cao Bằng.
Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng.
Biên bản lấy mẫu nước.
9. Tài liệu kèm theo:
10. Kết quả thử nghiệm

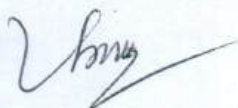


STT	CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ SO SÁNH QCDP 01:2024/CB
10.01	Amoni	Máy UV - VIS	mg/l	0,0	0,3
10.2	Nitrit	Máy UV - VIS	mg/l	0,0	0,05
10.3	Nitrat	TCVN 6180: 1996	mg/l	0,44	2
10.4	Sắt TS*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOQ = 0,1)	0,3
10.5	Pecmanganat*	TCVN 6186:1996	mg/l	0,16	2
10.6	Độ cứng*	TCVN 6224:1996	mg/l	176	300
10.7	HL Sunphat	Máy UV - VIS	mg/l	13,0	250
10.8	Florua	Máy UV - VIS	mg/l	0,80	1,5
10.9	Đồng (Cuprum)*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOD = 0,03)	1
10.10	Kẽm(Zincum)*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOD = 0,03)	2
10.11	Mangan (Mn)	SMEWW3113B	mg/l	0,001	0,1
10.12	Cadimi (Cd)*	SMEWW3113B	mg/l	KPH (LOD = 0,0003)	0,003
10.13	Chì (Plumbum)*	SMEWW3113B	mg/l	KPH (LOQ = 0,002)	0,01

10.14	Tổng số chất rắn hòa tan (TDS)	TQBYT	mg/l	130	1000
10.15	Nhôm (Aluminium)	SMEWW3113B	mg/l	0,02	0,2
10.16	S. Aureus	SMEWW9213B:2017	CFU/250ml	KPH	< 1
10.17	Ps. Aeruginosa	TCVN 8881:2011	CFU/250ml	KPH	< 1

Cao Bằng, Ngày 03 tháng 12 năm 2025

TRƯỞNG KHOA



Lục Thị Hương

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Bế Thị Bạch

Ghi chú:

1. KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp).
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của TTKSBT tỉnh Cao Bằng.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định;
6. Chỉ tiêu có dấu * là chỉ tiêu được công nhận IOS/IEC 17025:2017.
7. Chỉ tiêu có dấu " + " là kết quả sử dụng của nhà thầu phụ.
8. Phòng thí nghiệm cam kết bảo mật các thông tin của khách hàng.

SỞ Y TẾ TỈNH CAO BẰNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH CAO BẰNG

Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, tỉnh Cao Bằng/Điện thoại: 02063.852.815/Fax:026.855173
Email: ttydptinhcaobang@gmail.com

Số: 174.02/PKN-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu:
2. Mã số mẫu:
3. Mô tả mẫu:
4. Thời gian lưu mẫu:
5. Ngày lấy mẫu:
6. Ngày nhận mẫu:
7. Thời gian thử nghiệm:
8. Nơi gửi mẫu:
9. Tài liệu kèm theo:
10. Kết quả thử nghiệm

Nước máy (Điểm giữa) – Tổ quản lý nước Quảng Uyên.
11.25.174.02.MG

Mẫu đựng trong can nhựa 2 lít, chai thủy tinh 1 lít.

Không lưu

18/11/2025

18/11/2025

19/11/2025 – 03/12/2025

Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Cao Bằng. **VILAS 747**

Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng.

Biên bản lấy mẫu nước.



STT	CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ SO SÁNH QCDP 01:2024/CB
10.01	Amoni	Máy UV - VIS	mg/l	0,0	0,3
10.2	Nitrit	Máy UV - VIS	mg/l	0,0	0,05
10.3	Nitrat	TCVN 6180: 1996	mg/l	0,34	2
10.4	Sắt TS*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOQ = 0,1)	0,3
10.5	Pecmanganat*	TCVN 6186:1996	mg/l	0,16	2
10.6	Độ cứng*	TCVN 6224:1996	mg/l	168	300
10.7	HL Sunphat	Máy UV - VIS	mg/l	13,7	250
10.8	Florua	Máy UV - VIS	mg/l	0,76	1,5
10.9	Đồng (Cuprum)*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOD = 0,03)	1
10.10	Kẽm(Zincum)*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOD = 0,03)	2
10.11	Mangan (Mn)	SMEWW3113B	mg/l	0,005	0,1
10.12	Cadimi (Cd)*	SMEWW3113B	mg/l	KPH (LOD = 0,0003)	0,003
10.13	Chì (Plumbum)*	SMEWW3113B	mg/l	KPH (LOQ = 0,002)	0,01

SỞ Y TẾ TỈNH CAO BẰNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH CAO BẰNG

Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, tỉnh Cao Bằng/Điện thoại: 02063.852815/Fax:026.855173
Email: ttydptinhcaobang@gmail.com

10.14	Tổng số chất rắn hòa tan (TDS)	TQBYT	mg/l	140	1000
10.15	Nhôm (Aluminium)	SMEWW3113B	mg/l	0,04	0,2
10.16	S. Aureus	SMEWW9213B:2017	CFU/250ml	KPH	< 1
10.17	Ps. Aeruginosa	TCVN 8881:2011	CFU/250ml	KPH	< 1

Cao Bằng, Ngày 03 tháng 12 năm 2025

TRƯỞNG KHOA

Lục Thị Hường

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Bế Thị Bạch

Ghi chú:

1. KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp).
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của TTKSBT tỉnh Cao Bằng.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định;
6. Chỉ tiêu có dấu * là chỉ tiêu được công nhận IOS/IEC 17025:2017.
7. Chỉ tiêu có dấu " + " là kết quả sử dụng của nhà thầu phụ.
8. Phòng thí nghiệm cam kết bảo mật các thông tin của khách hàng.

Số: 174.03/PKN-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu:
2. Mã số mẫu:
3. Mô tả mẫu:
4. Thời gian lưu mẫu:
5. Ngày lấy mẫu:
6. Ngày nhận mẫu:
7. Thời gian thử nghiệm:
8. Nơi gửi mẫu:

Nước máy (Điểm cuối) – Tổ quản lý nước Quảng Uyên.

11.25.174.03.MG

Mẫu đựng trong can nhựa 2 lít, chai thủy tinh 1 lít.

Không lưu

18/11/2025

18/11/2025

19/11/2025 – 03/12/2025

Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Cao Bằng.

Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng.

Biên bản lấy mẫu nước.



VILAS 747

9. Tài liệu kèm theo:

10. Kết quả thử nghiệm

STT	CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ SO SÁNH QCDP 01:2024/CB
10.01	Amoni	Máy UV - VIS	mg/l	0,0	0,3
10.2	Nitrit	Máy UV - VIS	mg/l	0,0	0,05
10.3	Nitrat	TCVN 6180: 1996	mg/l	0,34	2
10.4	Sắt TS*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOQ = 0,1)	0,3
10.5	Pecmanganat*	TCVN 6186:1996	mg/l	0,16	2
10.6	Độ cứng*	TCVN 6224:1996	mg/l	166	300
10.7	HL Sunphat	Máy UV - VIS	mg/l	12,7	250
10.8	Florua	Máy UV - VIS	mg/l	0,81	1,5
10.9	Đồng (Cuprum)*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOD = 0,03)	1
10.10	Kẽm(Zincum)*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOD = 0,03)	2
10.11	Mangan (Mn)	SMEWW3113B	mg/l	0,005	0,1
10.12	Cadimi (Cd)*	SMEWW3113B	mg/l	KPH (LOD = 0,0003)	0,003
10.13	Chì (Plumbum)*	SMEWW3113B	mg/l	KPH (LOQ = 0,002)	0,01

SỞ Y TẾ TỈNH CAO BẰNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH CAO BẰNG

Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, tỉnh Cao Bằng/Điện thoại: 02063.852815/Fax:026.855173
Email: ttydptinhcaobang@gmail.com

10.14	Tổng số chất rắn hòa tan (TDS)	TQBYT	mg/l	140	1000
10.15	Nhôm (Aluminium)	SMEWW3113B	mg/l	0,03	0,2
10.16	S. Aureus	SMEWW9213B:2017	CFU/250ml	KPH	< 1
10.17	Ps. Aeruginosa	TCVN 8881:2011	CFU/250ml	KPH	< 1

Cao Bằng, Ngày 03 tháng 12 năm 2025

TRƯỞNG KHOA



Lục Thị Hương

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Bé Thị Bạch

Ghi chú:

1. KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp).
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của TTCSBT tỉnh Cao Bằng.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định;
6. Chỉ tiêu có dấu * là chỉ tiêu được công nhận IOS/IEC 17025:2017.
7. Chỉ tiêu có dấu " + " là kết quả sử dụng của nhà thầu phụ.
8. Phòng thí nghiệm cam kết bảo mật các thông tin của khách hàng.

**TRUNG TÂM PHÂN TÍCH INVITEC****INVITEC ANALYSIS CENTER**

Địa chỉ/Address: Số 12 phố Trường Lâm, Phường Việt Hưng, Thành phố
Hà Nội, Việt Nam
Tel: +84 92 567 1212
Email: hotline@invitec.vn

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT**

MT25110566

Tên khách hàng/Customer's name: Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng
Địa chỉ/Address: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, Tỉnh Cao Bằng
Tên mẫu/Name of sample(s): Nước máy (điểm đầu)
Mô tả mẫu/Sample description: Mẫu được lấy vào can nhựa có nắp vặn thể tích 4,0L;
Bảo quản thường
Địa điểm lấy mẫu/Place of sampling: Tổ quản lý nước Quảng Uyên – Công ty TNHH một thành viên
cấp nước Cao Bằng
Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng
Ngày nhận mẫu/Date of sample receiving: 21/11/2025
Người lấy/gửi mẫu/Sampler: Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng
Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, Tỉnh Cao Bằng
Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Giới hạn tham chiếu** Reference limit	Phương pháp thử Test method
1.	Atrazine ($C_8H_{14}ClN_5$) và các dẫn xuất chloro-s-triazine ^a	<0,3	µg/L	100	US EPA Method 525.3:2012
2.	2-Methyl-4- chlorophenoxyacetic (MCPA) ^a	<0,5	µg/L	2	US EPA Method 555:1992
3.	Permethrin ($C_{21}H_{20}Cl_2O_3$) ^a	<0,3	µg/L	20	US EPA Method 525.3:2012
4.	Chloroform ($CHCl_3$) ^a	<0,1	µg/L	300	US EPA (5030C:2003&5035:1996 &8260D:2017)
5.	Dichloroacetonitrile (C_2HCl_2N) ^a	<0,3	µg/L	20	US EPA Method 551.1:1995

** Theo/As in: Quốc gia QCVN 01-1:2024/BYT về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
ban hành theo thông tư 52/2024/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2024

**BỘ PHẬN PHÂN TÍCH
LABORATORY**

KS. Nguyễn Văn Cường

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2025
**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
DIRECTOR OF CENTER**



ThS. Lâm Gia Vũ

- * Phép thử đã được VACI công nhận/The tests accredited by VACI
- * Các chỉ tiêu đánh dấu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/The test are performed by subcontractors
- * Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the received sample(s) only.
- * Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm phân tích INVITEC/
The test report must not be reproduced without the written approval of INVITEC.
- * Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH INVITEC

INVITEC ANALYSIS CENTER

Địa chỉ/Address: Số 12 phố Trường Lâm, Phường Việt Hưng, Thành phố

Hà Nội, Việt Nam

Tel: +84 92 567 1212

Email: hotline@invitec.vn



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

MT25110567

Tên khách hàng/Customer's name:

Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng

Địa chỉ/Address:

Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, Tỉnh Cao Bằng

Tên mẫu/Name of sample(s):

Nước máy (điểm giữa)

Mô tả mẫu/Sample description:

Mẫu được lấy vào can nhựa có nắp vặn thể tích 4,0L;

Bảo quản thường

Địa điểm lấy mẫu/Place of sampling:

Tổ quản lý nước Quảng Uyên – Công ty TNHH một thành viên cấp nước Cao Bằng

Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng

Ngày nhận mẫu/Date of sample receiving:

21/11/2025

Người lấy/gửi mẫu/Sampler:

Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng

Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, Tỉnh Cao Bằng

Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Giới hạn tham chiếu** Reference limit	Phương pháp thử Test method
1.	Atrazine ($C_8H_{14}ClN_5$) và các dẫn xuất chloro-s-triazine ^a	<0,3	µg/L	100	US EPA Method 525.3:2012
2.	2-Methyl-4-chlorophenoxyacetic (MCPA) ^a	<0,5	µg/L	2	US EPA Method 555:1992
3.	Permethrin ($C_{21}H_{20}Cl_2O_3$) ^a	<0,3	µg/L	20	US EPA Method 525.3:2012
4.	Chloroform ($CHCl_3$) ^a	<0,1	µg/L	300	US EPA (5030C:2003&5035:1996 &8260D:2017)
5.	Dichloroacetonitrile (C_2HCl_2N) ^a	<0,3	µg/L	20	US EPA Method 551.1:1995

** Theo/As in: Quốc gia QCVN 01-1:2024/BYT về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ban hành theo thông tư 52/2024/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2024

BỘ PHẬN PHÂN TÍCH
LABORATORY

KS. Nguyễn Văn Cường

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2025
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
DIRECTOR OF CENTER



ThS. Lâm Gia Vũ

- * Phép thử đã được VACI công nhận/The tests accredited by VACI
- * Các chỉ tiêu đánh dấu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/The test are performed by subcontractors
- * Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the received sample(s) only.
- * Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm phân tích INVITEC/The test report must not be reproduced without the written approval of INVITEC.
- * Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

**TRUNG TÂM PHÂN TÍCH INVITEC****INVITEC ANALYSIS CENTER**

Địa chỉ/Address: Số 12 phố Trường Lâm, Phường Việt Hưng, Thành phố
Hà Nội, Việt Nam

Tel: +84 92 567 1212

Email: hotline@invitec.vn

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT****MT25110568**

Tên khách hàng/Customer's name:

Địa chỉ/Address:

Tên mẫu/Name of sample(s):

Mô tả mẫu/Sample description:

Địa điểm lấy mẫu/Place of sampling:

Ngày nhận mẫu/Date of sample receiving:

Người lấy/gửi mẫu/Sampler:

Kết quả thử nghiệm/Test result:

Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng

Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, Tỉnh Cao Bằng

Nước máy (điểm cuối)

Mẫu được lấy vào can nhựa có nắp vận thể tích 4,0L;

Bảo quản thường

Tổ quản lý nước Quảng Uyên – Công ty TNHH một thành viên
cấp nước Cao Bằng

Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng

21/11/2025

Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng

Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, Tỉnh Cao Bằng

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Giới hạn tham chiếu** Reference limit	Phương pháp thử Test method
1.	Atrazine ($C_8H_{14}ClN_5$) và các dẫn xuất chloro-s-triazine ^a	<0,3	µg/L	100	US EPA Method 525.3:2012
2.	2-Methyl-4- chlorophenoxyacetic (MCPA) ^a	<0,5	µg/L	2	US EPA Method 555:1992
3.	Permethrin ($C_{21}H_{20}Cl_2O_3$) ^a	<0,3	µg/L	20	US EPA Method 525.3:2012
4.	Chloroform ($CHCl_3$) ^a	<0,1	µg/L	300	US EPA (5030C:2003&5035:1996 &8260D:2017)
5.	Dichloroacetonitrile (C_2HCl_2N) ^a	<0,3	µg/L	20	US EPA Method 551.1:1995

** Theo/As in: Quốc gia QCVN 01-1:2024/BYT về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
ban hành theo thông tư 52/2024/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2024

**BỘ PHẬN PHÂN TÍCH
LABORATORY**

KS. Nguyễn Văn Cường

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2025
**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
DIRECTOR OF CENTER**



ThS. Lâm Gia Vũ

- * Phép thử đã được VACI công nhận/The tests accredited by VACI
- * Các chỉ tiêu đánh dấu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/The test are performed by subcontractors
- * Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the received sample(s) only.
- * Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm phân tích INVITEC/
The test report must not be reproduced without the written approval of INVITEC.
- * Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

Số: 173.01/PKN-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: Nước máy (Điểm đầu) – Tổ quản lý nước Trùng Khánh.
2. Mã số mẫu: 11.25.173.01.MG
3. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong can nhựa 2 lít, chai thủy tinh 1 lít.
4. Thời gian lưu mẫu: Không lưu
5. Ngày lấy mẫu: 17/11/2025
6. Ngày nhận mẫu: 17/11/2025
7. Thời gian thử nghiệm: 18/11/2025 – 03/12/2025
8. Nơi gửi mẫu: Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Cao Bằng.
Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng.
Biên bản lấy mẫu nước.
9. Tài liệu kèm theo:
10. Kết quả thử nghiệm



STT	CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ SO SÁNH QCDP 01:2024/CB
10.01	Amoni	Máy UV - VIS	mg/l	0,3	0,3
10.2	Nitrit	Máy UV - VIS	mg/l	0,0	0,05
10.3	Nitrat	TCVN 6180: 1996	mg/l	0,30	2
10.4	Sắt TS*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOD = 0,03)	0,3
10.5	Pecmanganat*	TCVN 6186:1996	mg/l	0,32	2
10.6	Độ cứng*	TCVN 6224:1996	mg/l	278	300
10.7	HL Sunphat	Máy UV - VIS	mg/l	35,1	250
10.8	Florua	Máy UV - VIS	mg/l	0,75	1,5
10.9	Đồng (Cuprum)*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOD = 0,03)	1
10.10	Kẽm(Zincum)*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOD = 0,03)	2
10.11	Mangan (Mn)	SMEWW3113B	mg/l	0,007	0,1
10.12	Cadimi (Cd)*	SMEWW3113B	mg/l	KPH (LOD = 0,0003)	0,003
10.13	Chì (Plumbum)*	SMEWW3113B	mg/l	KPH (LOQ = 0,002)	0,01

SỞ Y TẾ TỈNH CAO BẰNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH CAO BẰNG

Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, tỉnh Cao Bằng/Điện thoại: 02063.852815/Fax:026.855173
Email: ttydptinhcaobang@gmail.com

10.14	Tổng số chất rắn hòa tan (TDS)	TQBYT	mg/l	250	1000
10.15	Nhôm (Aluminium)	SMEWW3113B	mg/l	0,008	0,2
10.16	S. Aureus	SMEWW9213B:2017	CFU/250ml	KPH	< 1
10.17	Ps. Aeruginosa	TCVN 8881:2011	CFU/250ml	KPH	< 1

Cao Bằng, Ngày 03 tháng 12 năm 2025

TRƯỞNG KHOA



Lục Thị Hường

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Bế Thị Bạch

Ghi chú:

- KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp).
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của TTKSBT tỉnh Cao Bằng.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định;
- Chỉ tiêu có dấu * là chỉ tiêu được công nhận IOS/IEC 17025:2017.
- Chỉ tiêu có dấu " + " là kết quả sử dụng của nhà thầu phụ.
- Phòng thí nghiệm cam kết bảo mật các thông tin của khách hàng.

Số: 173.02/PKN-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu:
2. Mã số mẫu:
3. Mô tả mẫu:
4. Thời gian lưu mẫu:
5. Ngày lấy mẫu:
6. Ngày nhận mẫu
7. Thời gian thử nghiệm
8. Nơi gửi mẫu

Nước máy (Điểm giữa) – Tổ quản lý nước Trùng Khánh.
11.25.173.02.MG

Mẫu đựng trong can nhựa 2 lít, chai thủy tinh 1 lít.

Không lưu

17/11/2025

17/11/2025

18/11/2025 – 03/12/2025

Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Cao Bằng. **VILAS 747**

Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng.

Biên bản lấy mẫu nước.



9. Tài liệu kèm theo:

10. Kết quả thử nghiệm

STT	CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ SO SÁNH QCDP 01:2024/CB
10.01	Amoni	Máy UV - VIS	mg/l	0,2	0,3
10.2	Nitrit	Máy UV - VIS	mg/l	0,0	0,05
10.3	Nitrat	TCVN 6180: 1996	mg/l	0,23	2
10.4	Sắt TS*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOD = 0,03)	0,3
10.5	Pecmanganat*	TCVN 6186:1996	mg/l	0,32	2
10.6	Độ cứng*	TCVN 6224:1996	mg/l	274	300
10.7	HL Sunphat	Máy UV - VIS	mg/l	33,6	250
10.8	Florua	Máy UV - VIS	mg/l	0,70	1,5
10.9	Đồng (Cuprum)*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOD = 0,03)	1
10.10	Kẽm(Zincum)*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOD = 0,03)	2
10.11	Mangan (Mn)	SMEWW3113B	mg/l	0,005	0,1
10.12	Cadimi (Cd)*	SMEWW3113B	mg/l	KPH (LOD = 0,0003)	0,003
10.13	Chì (Plumbum)*	SMEWW3113B	mg/l	KPH (LOQ = 0,002)	0,01

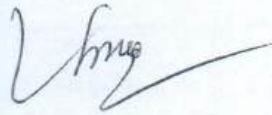
SỞ Y TẾ TỈNH CAO BẰNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH CAO BẰNG

Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, tỉnh Cao Bằng/Điện thoại: 02063.852815/Fax:026.855173
Email: ttydptinhcaobang@gmail.com

10.14	Tổng số chất rắn hòa tan (TDS)	TQBYT	mg/l	190	1000
10.15	Nhôm (Aluminium)	SMEWW3113B	mg/l	0,008	0,2
10.16	S. Aureus	SMEWW9213B:2017	CFU/250ml	KPH	< 1
10.17	Ps. Aeruginosa	TCVN 8881:2011	CFU/250ml	KPH	< 1

Cao Bằng, Ngày 03 tháng 12 năm 2025

TRƯỞNG KHOA



Lục Thị Hương

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Bế Thị Bạch

Ghi chú:

1. KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp).
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của TTKSBT tỉnh Cao Bằng.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định;
6. Chỉ tiêu có dấu * là chỉ tiêu được công nhận IOS/IEC 17025:2017.
7. Chỉ tiêu có dấu " + " là kết quả sử dụng của nhà thầu phụ.
8. Phòng thí nghiệm cam kết bảo mật các thông tin của khách hàng.

Số: 173.03/PKN-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu:
2. Mã số mẫu:
3. Mô tả mẫu:
4. Thời gian lưu mẫu:
5. Ngày lấy mẫu:
6. Ngày nhận mẫu
7. Thời gian thử nghiệm
8. Nơi gửi mẫu
9. Tài liệu kèm theo:
10. Kết quả thử nghiệm

Nước máy (Điểm cuối) – Tổ quản lý nước Trùng Khánh.
11.25.173.03.MG

Mẫu đựng trong can nhựa 2 lít, chai thủy tinh, 1 lít.

Không lưu

17/11/2025

17/11/2025

18/11/2025 – 03/12/2025

Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Cao Bằng.

Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng.

Biên bản lấy mẫu nước.



STT	CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ SO SÁNH QCDP 01:2024/CB
10.01	Amoni	Máy UV - VIS	mg/l	0,2	0,3
10.2	Nitrit	Máy UV - VIS	mg/l	0,0	0,05
10.3	Nitrat	TCVN 6180: 1996	mg/l	0,12	2
10.4	Sắt TS*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOD = 0,03)	0,3
10.5	Pecmanganat*	TCVN 6186:1996	mg/l	0,32	2
10.6	Độ cứng*	TCVN 6224:1996	mg/l	300	300
10.7	HL Sunphat	Máy UV - VIS	mg/l	35,0	250
10.8	Florua	Máy UV - VIS	mg/l	0,82	1,5
10.9	Đồng (Cuprum)*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOD = 0,03)	1
10.10	Kẽm(Zincum)*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOD = 0,03)	2
10.11	Mangan (Mn)	SMEWW3113B	mg/l	0,007	0,1
10.12	Cadimi (Cd)*	SMEWW3113B	mg/l	KPH (LOD = 0,0003)	0,003
10.13	Chì (Plumbum)*	SMEWW3113B	mg/l	KPH (LOQ = 0,002)	0,01

SỞ Y TẾ TỈNH CAO BẰNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH CAO BẰNG

Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, tỉnh Cao Bằng/Điện thoại: 02063.852815/Fax:026.855173

Email: ttydptinhcaobang@gmail.com

10.14	Tổng số chất rắn hòa tan (TDS)	TQBYT	mg/l	230	1000
10.15	Nhôm (Aluminium)	SMEWW3113B	mg/l	0,03	0,2
10.16	S. Aureus	SMEWW9213B:2017	CFU/250ml	KPH	< 1
10.17	Ps. Aeruginosa	TCVN 8881:2011	CFU/250ml	KPH	< 1

Cao Bằng, Ngày 03 tháng 12 năm 2025

TRƯỞNG KHOA



Lục Thị Hương

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Bé Thị Bạch

Ghi chú:

1. KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp).
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của TTKSBT tỉnh Cao Bằng.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định;
6. Chỉ tiêu có dấu * là chỉ tiêu được công nhận IOS/IEC 17025:2017.
7. Chỉ tiêu có dấu " + " là kết quả sử dụng của nhà thầu phụ.
8. Phòng thí nghiệm cam kết bảo mật các thông tin của khách hàng.



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH INVITEC
INVITEC ANALYSIS CENTER

Địa chỉ/Address: Số 12 phố Trường Lâm, Phường Việt Hưng, Thành phố
Hà Nội, Việt Nam
Tel: +84 92 567 1212
Email: hotline@invitec.vn



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

MT25110551

Tên khách hàng/Customer's name: Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng
Địa chỉ/Address: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, Tỉnh Cao Bằng
Tên mẫu/Name of sample(s): Nước máy (điểm đầu)
Mô tả mẫu/Sample description: Mẫu được lấy vào can nhựa có nắp vận thể tích 4,0L;
Bảo quản thường
Địa điểm lấy mẫu/Place of sampling: Tổ quản lý nước Trùng Khánh – Công ty TNHH một thành viên
cấp nước Cao Bằng
Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng
Ngày nhận mẫu/Date of sample receiving: 21/11/2025
Người lấy/gửi mẫu/Sampler: Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng
Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, Tỉnh Cao Bằng
Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Giới hạn tham chiếu** Reference limit	Phương pháp thử Test method
1.	Atrazine ($C_8H_{14}ClN_5$) và các dẫn xuất chloro-s-triazine ^a	<0,3	µg/L	100	US EPA Method 525.3:2012
2.	2-Methyl-4- chlorophenoxyacetic (MCPA) ^a	<0,5	µg/L	2	US EPA Method 555:1992
3.	Permethrin ($C_{21}H_{20}Cl_2O_3$) ^a	<0,3	µg/L	20	US EPA Method 525.3:2012
4.	Chloroform ($CHCl_3$) ^a	<0,1	µg/L	300	US EPA (5030C:2003&5035:1996 &8260D:2017)
5.	Dichloroacetonitrile (C_2HCl_2N) ^a	<0,3	µg/L	20	US EPA Method 551.1:1995

** Theo/As in: Quốc gia QCVN 01-1:2024/BYT về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
ban hành theo thông tư 52/2024/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2024

BỘ PHẬN PHÂN TÍCH
LABORATORY

KS. Nguyễn Văn Cường

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2025
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
DIRECTOR OF CENTER



ThS. Lâm Gia Vũ

- * Phép thử đã được VACI công nhận/The tests accredited by VACI
- * Các chỉ tiêu đánh dấu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/The test are performed by subcontractors
- * Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the received sample(s) only.
- * Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm phân tích INVITEC/
The test report must not be reproduced without the written approval of INVITEC.
- * Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH INVITEC
INVITEC ANALYSIS CENTER

Địa chỉ/Address: Số 12 phố Trường Lâm, Phường Việt Hưng, Thành phố
Hà Nội, Việt Nam
Tel: +84 92 567 1212
Email: hotline@invitec.vn



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

MT25110552

Tên khách hàng/Customer's name: Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng
Địa chỉ/Address: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, Tỉnh Cao Bằng
Tên mẫu/Name of sample(s): Nước máy (điểm giữa)
Mô tả mẫu/Sample description: Mẫu được lấy vào can nhựa có nắp vận thể tích 4,0L;
Bảo quản thường
Địa điểm lấy mẫu/Place of sampling: Tổ quản lý nước Trùng Khánh – Công ty TNHH một thành viên
cấp nước Cao Bằng
Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng
Ngày nhận mẫu/Date of sample receiving: 21/11/2025
Người lấy/gửi mẫu/Sampler: Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng
Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, Tỉnh Cao Bằng
Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Giới hạn tham chiếu** Reference limit	Phương pháp thử Test method
1.	Atrazine ($C_8H_{14}ClN_5$) và các dẫn xuất chloro-s-triazine ^a	<0,3	µg/L	100	US EPA Method 525.3:2012
2.	2-Methyl-4- chlorophenoxyacetic (MCPA) ^a	<0,5	µg/L	2	US EPA Method 555:1992
3.	Permethrin ($C_{21}H_{20}Cl_2O_3$) ^a	<0,3	µg/L	20	US EPA Method 525.3:2012
4.	Chloroform ($CHCl_3$) ^a	<0,1	µg/L	300	US EPA (5030C:2003&5035:1996 &8260D:2017)
5.	Dichloroacetonitrile (C_2HCl_2N) ^a	<0,3	µg/L	20	US EPA Method 551.1:1995

** Theo/As in: Quốc gia QCVN 01-1:2024/BYT về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
ban hành theo thông tư 52/2024/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2024

BỘ PHẬN PHÂN TÍCH
LABORATORY

Cường

KS. Nguyễn Văn Cường

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2025
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
DIRECTOR OF CENTER



ThS. Lâm Gia Vũ

- * Phép thử đã được VACI công nhận/The tests accredited by VACI
- * Các chỉ tiêu đánh dấu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/The test are performed by subcontractors
- * Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the received sample(s) only.
- * Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm phân tích INVITEC/
The test report must not be reproduced without the written approval of INVITEC.
- * Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH INVITEC
INVITEC ANALYSIS CENTER

Địa chỉ/Address: Số 12 phố Trường Lâm, Phường Việt Hưng, Thành phố
Hà Nội, Việt Nam
Tel: +84 92 567 1212
Email: hotline@invitec.vn



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

MT25110553

Tên khách hàng/Customer's name: Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng
Địa chỉ/Address: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, Tỉnh Cao Bằng
Tên mẫu/Name of sample(s): Nước máy (điểm cuối)
Mô tả mẫu/Sample description: Mẫu được lấy vào can nhựa có nắp vận thể tích 4,0L;
Bảo quản thường
Địa điểm lấy mẫu/Place of sampling: Tổ quản lý nước Trùng Khánh – Công ty TNHH một thành viên
cấp nước Cao Bằng
Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng
Ngày nhận mẫu/Date of sample receiving: 21/11/2025
Người lấy/gửi mẫu/Sampler: Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng
Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, Tỉnh Cao Bằng

Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Giới hạn tham chiếu** Reference limit	Phương pháp thử Test method
1.	Atrazine ($C_8H_{14}ClN_5$) và các dẫn xuất chloro-s-triazine ^a	<0,3	µg/L	100	US EPA Method 525.3:2012
2.	2-Methyl-4- chlorophenoxyacetic (MCPA) ^a	<0,5	µg/L	2	US EPA Method 555:1992
3.	Permethrin ($C_{21}H_{20}Cl_2O_3$) ^a	<0,3	µg/L	20	US EPA Method 525.3:2012
4.	Chloroform ($CHCl_3$) ^a	<0,1	µg/L	300	US EPA (5030C:2003&5035:1996 &8260D:2017)
5.	Dichloroacetonitrile (C_2HCl_2N) ^a	<0,3	µg/L	20	US EPA Method 551.1:1995

** Theo/As in: Quốc gia QCVN 01-1:2024/BYT về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
ban hành theo thông tư 52/2024/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2024

BỘ PHẬN PHÂN TÍCH
LABORATORY

Cường

KS. Nguyễn Văn Cường

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2025
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
DIRECTOR OF CENTER



ThS. Lâm Gia Vũ

- * Phép thử đã được VACI công nhận/The tests accredited by VACI
- * Các chỉ tiêu đánh dấu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/The test are performed by subcontractors
- * Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the received sample(s) only.
- * Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm phân tích INVITEC/
The test report must not be reproduced without the written approval of INVITEC.
- * Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

SỞ Y TẾ TỈNH CAO BẰNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH CAO BẰNG

Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, tỉnh Cao Bằng/Điện thoại: 02063.852.815/Fax:026.855173
Email: ttydptinhcaobang@gmail.com

Số: 173.04/PKN-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- | | |
|--------------------------|---|
| 1. Tên mẫu: | Nước máy (Điểm đầu) – Tổ quản lý nước Thông Nông. |
| 2. Mã số mẫu: | 11.25.173.04.MG |
| 3. Mô tả mẫu: | Mẫu đựng trong can nhựa 2 lít, chai thủy tinh 1 lít. |
| 4. Thời gian lưu mẫu: | Không lưu |
| 5. Ngày lấy mẫu: | 17/11/2025 |
| 6. Ngày nhận mẫu: | 17/11/2025 |
| 7. Thời gian thử nghiệm: | 18/11/2025 – 03/12/2025 |
| 8. Nơi gửi mẫu: | Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Cao Bằng.
Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng. |
| 9. Tài liệu kèm theo: | Biên bản lấy mẫu nước. |
| 10. Kết quả thử nghiệm | |



VILAS 747

STT	CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ SO SÁNH QCDP 01:2024/CB
10.01	Amoni	Máy UV - VIS	mg/l	0,0	0,3
10.2	Nitrit	Máy UV - VIS	mg/l	0,0	0,05
10.3	Nitrat	TCVN 6180: 1996	mg/l	0,17	2
10.4	Sắt TS*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOD = 0,03)	0,3
10.5	Pecmanganat*	TCVN 6186:1996	mg/l	0,65	2
10.6	Độ cứng*	TCVN 6224:1996	mg/l	150	300
10.7	HL Sunphat	Máy UV - VIS	mg/l	3,86	250
10.8	Florua	Máy UV - VIS	mg/l	0,93	1,5
10.9	Đồng (Cuprum)*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOD = 0,03)	1
10.10	Kẽm(Zincum)*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOD = 0,03)	2
10.11	Mangan (Mn)	SMEWW3113B	mg/l	0,007	0,1
10.12	Cadimi (Cd)*	SMEWW3113B	mg/l	KPH (LOD = 0,0003)	0,003
10.13	Chì (Plumbum)*	SMEWW3113B	mg/l	KPH (LOQ = 0,002)	0,01

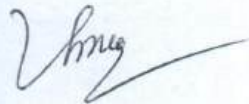
SỞ Y TẾ TỈNH CAO BẰNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH CAO BẰNG

Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, tỉnh Cao Bằng/Điện thoại: 02063.852815/Fax:026.855173
Email: ttytdptinhcaobang@gmail.com

10.14	Tổng số chất rắn hòa tan (TDS)	TQBYT	mg/l	140	1000
10.15	Nhôm (Aluminium)	SMEWW3113B	mg/l	0,02	0,2
10.16	S. Aureus	SMEWW9213B:2017	CFU/250ml	KPH	< 1
10.17	Ps. Aeruginosa	TCVN 8881:2011	CFU/250ml	KPH	< 1

Cao Bằng, Ngày 03 tháng 12 năm 2025

TRƯỞNG KHOA



Lục Thị Hương

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Bế Thị Bạch

Ghi chú:

- KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp).
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của TTKSBT tỉnh Cao Bằng.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định;
- Chỉ tiêu có dấu * là chỉ tiêu được công nhận IOS/IEC 17025:2017.
- Chỉ tiêu có dấu " + " là kết quả sử dụng của nhà thầu phụ.
- Phòng thí nghiệm cam kết bảo mật các thông tin của khách hàng.

SỞ Y TẾ TỈNH CAO BẰNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH CAO BẰNG

Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, tỉnh Cao Bằng/Điện thoại: 02063.852.815/Fax:026.855173
Email: ttytdptinhcaobang@gmail.com

Số: 173.05/PKN-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu:
2. Mã số mẫu:
3. Mô tả mẫu:
4. Thời gian lưu mẫu:
5. Ngày lấy mẫu:
6. Ngày nhận mẫu
7. Thời gian thử nghiệm
8. Nơi gửi mẫu

Nước máy (Điểm giữa) – Tổ quản lý nước Thông Nông.
11.25.173.05.MG

Mẫu đựng trong can nhựa 2 lít, chai thủy tinh 1 lít.

Không lưu

17/11/2025

17/11/2025

18/11/2025 – 03/12/2025

Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Cao Bằng.

Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng.

Biên bản lấy mẫu nước.



VILAS 747

9. Tài liệu kèm theo:

10. Kết quả thử nghiệm

STT	CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ SO SÁNH QCDP 01:2024/CB
10.01	Amoni	Máy UV - VIS	mg/l	0,1	0,3
10.2	Nitrit	Máy UV - VIS	mg/l	0,0	0,05
10.3	Nitrat	TCVN 6180: 1996	mg/l	0,2	2
10.4	Sắt TS*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOQ = 0,1)	0,3
10.5	Pecmanganat*	TCVN 6186:1996	mg/l	0,32	2
10.6	Độ cứng*	TCVN 6224:1996	mg/l	156	300
10.7	HL Sunphat	Máy UV - VIS	mg/l	1,31	250
10.8	Florua	Máy UV - VIS	mg/l	0,87	1,5
10.9	Đồng (Cuprum)*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOD = 0,03)	1
10.10	Kẽm(Zincum)*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOD = 0,03)	2
10.11	Mangan (Mn)	SMEWW3113B	mg/l	0,01	0,1
10.12	Cadimi (Cd)*	SMEWW3113B	mg/l	KPH (LOD = 0,0003)	0,003
10.13	Chì (Plumbum)*	SMEWW3113B	mg/l	KPH (LOQ = 0,002)	0,01

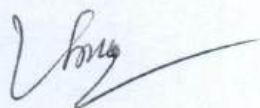
SỞ Y TẾ TỈNH CAO BẰNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH CAO BẰNG

Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, tỉnh Cao Bằng/Điện thoại: 02063.852815/Fax:026.855173
Email: ttydptinhcaobang@gmail.com

10.14	Tổng số chất rắn hòa tan (TDS)	TQBYT	mg/l	150	1000
10.15	Nhôm (Aluminium)	SMEWW3113B	mg/l	0,04	0,2
10.16	S. Aureus	SMEWW9213B:2017	CFU/250ml	KPH	< 1
10.17	Ps. Aeruginosa	TCVN 8881:2011	CFU/250ml	KPH	< 1

Cao Bằng, Ngày 03 tháng 12 năm 2025

TRƯỞNG KHOA



Lục Thị Hương

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Bế Thị Bạch

Ghi chú:

1. KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp).
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của TTKSBT tỉnh Cao Bằng.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định;
6. Chỉ tiêu có dấu * là chỉ tiêu được công nhận IOS/IEC 17025:2017.
7. Chỉ tiêu có dấu " + " là kết quả sử dụng của nhà thầu phụ.
8. Phòng thí nghiệm cam kết bảo mật các thông tin của khách hàng.

SỞ Y TẾ TỈNH CAO BẰNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH CAO BẰNG

Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, tỉnh Cao Bằng/Điện thoại: 02063.852.815/Fax:026.855173
Email: ttytdptinhcaobang@gmail.com

Số: 173.06/PKN-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu:
2. Mã số mẫu:
3. Mô tả mẫu:
4. Thời gian lưu mẫu:
5. Ngày lấy mẫu:
6. Ngày nhận mẫu
7. Thời gian thử nghiệm
8. Nơi gửi mẫu

Nước máy (Điểm cuối) – Tổ quản lý nước Thông Nông.
11.25.173.06.MG

Mẫu đựng trong can nhựa 2 lít, chai thủy tinh 1/1 lít.

Không lưu

17/11/2025

17/11/2025

18/11/2025 – 03/12/2025

Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Cao Bằng.

Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng.

Biên bản lấy mẫu nước.



VILAS 747

9. Tài liệu kèm theo:

10. Kết quả thử nghiệm

STT	CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ SO SÁNH QCDP 01:2024/CB
10.01	Amoni	Máy UV - VIS	mg/l	0,1	0,3
10.2	Nitrit	Máy UV - VIS	mg/l	0,0	0,05
10.3	Nitrat	TCVN 6180: 1996	mg/l	0,26	2
10.4	Sắt TS*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOD = 0,03)	0,3
10.5	Pecmanganat*	TCVN 6186:1996	mg/l	0,32	2
10.6	Độ cứng*	TCVN 6224:1996	mg/l	148	300
10.7	HL Sunphat	Máy UV - VIS	mg/l	1,53	250
10.8	Florua	Máy UV - VIS	mg/l	0,90	1,5
10.9	Đồng (Cuprum)*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOD = 0,03)	1
10.10	Kẽm(Zincum)*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOD = 0,03)	2
10.11	Mangan (Mn)	SMEWW3113B	mg/l	0,0	0,1
10.12	Cadimi (Cd)*	SMEWW3113B	mg/l	KPH (LOD = 0,0003)	0,003
10.13	Chì (Plumbum)*	SMEWW3113B	mg/l	KPH (LOQ = 0,002)	0,01

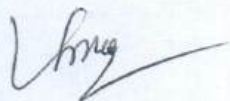
SỞ Y TẾ TỈNH CAO BẰNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH CAO BẰNG

Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, tỉnh Cao Bằng/Điện thoại: 02063.852815/Fax:026.855173
Email: ttydptinhcaobang@gmail.com

10.14	Tổng số chất rắn hòa tan (TDS)	TQBYT	mg/l	130	1000
10.15	Nhôm (Aluminium)	SMEWW3113B	mg/l	0,02	0,2
10.16	S. Aureus	SMEWW9213B:2017	CFU/250ml	KPH	< 1
10.17	Ps. Aeruginosa	TCVN 8881:2011	CFU/250ml	KPH	< 1

Cao Bằng, Ngày 03 tháng 12 năm 2025

TRƯỞNG KHOA



Lục Thị Hương

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Bê Thị Bạch

Ghi chú:

1. KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp).
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của TTKSBT tỉnh Cao Bằng.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định;
6. Chỉ tiêu có dấu * là chỉ tiêu được công nhận IOS/IEC 17025:2017.
7. Chỉ tiêu có dấu " + " là kết quả sử dụng của nhà thầu phụ.
8. Phòng thí nghiệm cam kết bảo mật các thông tin của khách hàng.

**TRUNG TÂM PHÂN TÍCH INVITEC****INVITEC ANALYSIS CENTER**

Địa chỉ/Address: Số 12 phố Trường Lâm, Phường Việt Hưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Tel: +84 92 567 1212

Email: hotline@invitec.vn

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT****MT25110569**

Tên khách hàng/Customer's name:

Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng

Địa chỉ/Address:

Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, Tỉnh Cao Bằng

Tên mẫu/Name of sample(s):

Nước máy (điểm đầu)

Mô tả mẫu/Sample description:

Mẫu được lấy vào can nhựa có nắp vặn thể tích 4,0L;

Bảo quản thường

Địa điểm lấy mẫu/Place of sampling:

Tổ quản lý nước Thông Nông – Công ty TNHH một thành viên cấp nước Cao Bằng

Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng

Ngày nhận mẫu/Date of sample receiving:

21/11/2025

Người lấy/gửi mẫu/Sampler:

Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng

Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, Tỉnh Cao Bằng

Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Giới hạn tham chiếu** Reference limit	Phương pháp thử Test method
1.	Atrazine ($C_8H_{14}ClN_5$) và các dẫn xuất chloro-s-triazine ^a	<0,3	µg/L	100	US EPA Method 525.3:2012
2.	2-Methyl-4-chlorophenoxyacetic (MCPA) ^a	<0,5	µg/L	2	US EPA Method 555:1992
3.	Permethrin ($C_{21}H_{20}Cl_2O_3$) ^a	<0,3	µg/L	20	US EPA Method 525.3:2012
4.	Chloroform ($CHCl_3$) ^a	<0,1	µg/L	300	US EPA (5030C:2003&5035:1996 &8260D:2017)
5.	Dichloroacetonitrile (C_2HCl_2N) ^a	<0,3	µg/L	20	US EPA Method 551.1:1995

** Theo/As in: Quốc gia QCVN 01-1:2024/BYT về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ban hành theo thông tư 52/2024/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2024

**BỘ PHẬN PHÂN TÍCH
LABORATORY**

KS. Nguyễn Văn Cường

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2025

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
DIRECTOR OF CENTER**



ThS. Lâm Gia Vũ

- * Phép thử đã được VACI công nhận/The tests accredited by VACI
- * Các chỉ tiêu đánh dấu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/The test are performed by subcontractors
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the received sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm phân tích INVITEC/The test report must not be reproduced without the written approval of INVITEC.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

**TRUNG TÂM PHÂN TÍCH INVITEC****INVITEC ANALYSIS CENTER**

Địa chỉ/Address: Số 12 phố Trường Lâm, Phường Việt Hưng, Thành phố
Hà Nội, Việt Nam
Tel: +84 92 567 1212
Email: hotline@invitec.vn

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT**

MT25110570

Tên khách hàng/Customer's name: Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng
Địa chỉ/Address: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, Tỉnh Cao Bằng
Tên mẫu/Name of sample(s): Nước máy (điểm giữa)
Mô tả mẫu/Sample description: Mẫu được lấy vào can nhựa có nắp vận thể tích 4,0L;
Bảo quản thường
Địa điểm lấy mẫu/Place of sampling: Tổ quản lý nước Thông Nông – Công ty TNHH một thành viên
cấp nước Cao Bằng
Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng
Ngày nhận mẫu/Date of sample receiving: 21/11/2025
Người lấy/gửi mẫu/Sampler: Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng
Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, Tỉnh Cao Bằng
Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Giới hạn tham chiếu** Reference limit	Phương pháp thử Test method
1.	Atrazine ($C_8H_{14}ClN_5$) và các dẫn xuất chloro-s-triazine ^a	<0,3	µg/L	100	US EPA Method 525.3:2012
2.	2-Methyl-4- chlorophenoxyacetic (MCPA) ^a	<0,5	µg/L	2	US EPA Method 555:1992
3.	Permethrin ($C_{21}H_{20}Cl_2O_3$) ^a	<0,3	µg/L	20	US EPA Method 525.3:2012
4.	Chloroform ($CHCl_3$) ^a	<0,1	µg/L	300	US EPA (5030C:2003&5035:1996 &8260D:2017)
5.	Dichloroacetonitrile (C_2HCl_2N) ^a	<0,3	µg/L	20	US EPA Method 551.1:1995

** Theo/As in: Quốc gia QCVN 01-1:2024/BYT về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
ban hành theo thông tư 52/2024/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2024

**BỘ PHẬN PHÂN TÍCH
LABORATORY****KS. Nguyễn Văn Cường**

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2025
**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
DIRECTOR OF CENTER**

**ThS. Lâm Gia Vũ**

- * Phép thử đã được VACI công nhận/The tests accredited by VACI
- * Các chỉ tiêu đánh dấu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/The test are performed by subcontractors
- * Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the received sample(s) only.
- * Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm phân tích INVITEC/
The test report must not be reproduced without the written approval of INVITEC.
- * Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

**TRUNG TÂM PHÂN TÍCH INVITEC****INVITEC ANALYSIS CENTER**

Địa chỉ/Address: Số 12 phố Trường Lâm, Phường Việt Hưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Tel: +84 92 567 1212
Email: hotline@invitec.vn

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT**

MT25110571

Tên khách hàng/Customer's name: Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng
Địa chỉ/Address: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, Tỉnh Cao Bằng
Tên mẫu/Name of sample(s): Nước máy (điểm cuối)
Mô tả mẫu/Sample description: Mẫu được lấy vào can nhựa có nắp vận thể tích 4,0L;
Bảo quản thường
Địa điểm lấy mẫu/Place of sampling: Tổ quản lý nước Thông Nông – Công ty TNHH một thành viên cấp nước Cao Bằng
Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng
Ngày nhận mẫu/Date of sample receiving: 21/11/2025
Người lấy/gửi mẫu/Sampler: Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng
Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, Tỉnh Cao Bằng
Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Giới hạn tham chiếu** Reference limit	Phương pháp thử Test method
1.	Atrazine ($C_8H_{14}ClN_5$) và các dẫn xuất chloro-s-triazine ^a	<0,3	µg/L	100	US EPA Method 525.3:2012
2.	2-Methyl-4-chlorophenoxyacetic (MCPA) ^a	<0,5	µg/L	2	US EPA Method 555:1992
3.	Permethrin ($C_{21}H_{20}Cl_2O_3$) ^a	<0,3	µg/L	20	US EPA Method 525.3:2012
4.	Chloroform ($CHCl_3$) ^a	<0,1	µg/L	300	US EPA (5030C:2003&5035:1996 &8260D:2017)
5.	Dichloroacetonitrile (C_2HCl_2N) ^a	<0,3	µg/L	20	US EPA Method 551.1:1995

** Theo/As in: Quốc gia QCVN 01-1:2024/BYT về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ban hành theo thông tư 52/2024/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2024

**BỘ PHẬN PHÂN TÍCH
LABORATORY****KS. Nguyễn Văn Cường**

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2025
**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
DIRECTOR OF CENTER**

**ThS. Lâm Gia Vũ**

- * Phép thử đã được VACI công nhận/The tests accredited by VACI
- * Các chỉ tiêu đánh dấu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/The test are performed by subcontractors
- * Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the received sample(s) only.
- * Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm phân tích INVITEC/The test report must not be reproduced without the written approval of INVITEC.
- * Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

Số: 178.01/PKN-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: Nước máy (Điểm đầu) – Nhà máy nước Trường Hà.
2. Mã số mẫu: 11.25.178.01.MG
3. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong can nhựa 2 lít, chai thủy tinh 1 lít.
4. Thời gian lưu mẫu: Không lưu
5. Ngày lấy mẫu: 20/11/2025
6. Ngày nhận mẫu: 20/11/2025
7. Thời gian thử nghiệm: 20/11/2025 – 03/12/2025
8. Nơi gửi mẫu: Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Cao Bằng.
Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng.
Biên bản lấy mẫu nước.
9. Tài liệu kèm theo:
10. Kết quả thử nghiệm



STT	CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ SO SÁNH QCDP 01:2024/CB
10.01	Amoni	Máy UV - VIS	mg/l	0,0	0,3
10.2	Nitrit	Máy UV - VIS	mg/l	0,0	0,05
10.3	Nitrat	TCVN 6180: 1996	mg/l	0,0	2
10.4	Sắt TS*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOQ = 0,1)	0,3
10.5	Pecmanganat*	TCVN 6186:1996	mg/l	0,0	2
10.6	Độ cứng*	TCVN 6224:1996	mg/l	194	300
10.7	HL Sunphat	Máy UV - VIS	mg/l	5,16	250
10.8	Florua	Máy UV - VIS	mg/l	0,78	1,5
10.9	Đồng (Cuprum)*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOD = 0,03)	1
10.10	Kẽm(Zincum)*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOD = 0,03)	2
10.11	Mangan (Mn)	SMEWW3113B	mg/l	0,001	0,1
10.12	Cadimi (Cd)*	SMEWW3113B	mg/l	KPH (LOD = 0,0003)	0,003
10.13	Chì (Plumbum)*	SMEWW3113B	mg/l	KPH (LOQ = 0,002)	0,01

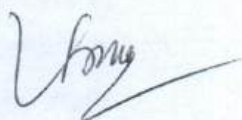
SỞ Y TẾ TỈNH CAO BẰNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH CAO BẰNG

Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, tỉnh Cao Bằng/Điện thoại: 02063.852815/Fax:026.855173
Email: ttydptinhcaobang@gmail.com

10.14	Tổng số chất rắn hòa tan (TDS)	TQBYT	mg/l	180	1000
10.15	Nhôm (Aluminium)	SMEWW3113B	mg/l	0,02	0,2
10.16	S. Aureus	SMEWW9213B:2017	CFU/250ml	KPH	< 1
10.17	Ps. Aeruginosa	TCVN 8881:2011	CFU/250ml	KPH	< 1

Cao Bằng, Ngày 03 tháng 12 năm 2025

TRƯỞNG KHOA



Lục Thị Hường

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Bé Thị Bạch

Ghi chú:

1. KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp).
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của TTKSBT tỉnh Cao Bằng.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định;
6. Chỉ tiêu có dấu * là chỉ tiêu được công nhận IOS/IEC 17025:2017.
7. Chỉ tiêu có dấu " + " là kết quả sử dụng của nhà thầu phụ.
8. Phòng thí nghiệm cam kết bảo mật các thông tin của khách hàng.

SỞ Y TẾ TỈNH CAO BẰNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH CAO BẰNG

Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, tỉnh Cao Bằng/Điện thoại: 02063.852.815/Fax:026.855173
Email: ttytdptinhcaobang@gmail.com

Số: 178.02/PKN-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: Nước máy (Điểm giữa) – Nhà máy nước Trường Hà.
2. Mã số mẫu: 11.25.178.02.MG
3. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong can nhựa 2 lít, chai thủy tinh 1 lít.
4. Thời gian lưu mẫu: Không lưu
5. Ngày lấy mẫu: 20/11/2025
6. Ngày nhận mẫu: 20/11/2025
7. Thời gian thử nghiệm: 20/11/2025 – 03/12/2025
8. Nơi gửi mẫu: Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Cao Bằng.
Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng.
Biên bản lấy mẫu nước.
9. Tài liệu kèm theo:
10. Kết quả thử nghiệm



STT	CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ SO SÁNH QCDP 01:2024/CB
10.01	Amoni	Máy UV - VIS	mg/l	0,0	0,3
10.2	Nitrit	Máy UV - VIS	mg/l	0,0	0,05
10.3	Nitrat	TCVN 6180: 1996	mg/l	0,20	2
10.4	Sắt TS*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOQ = 0,1)	0,3
10.5	Pecmanganat*	TCVN 6186:1996	mg/l	0,0	2
10.6	Độ cứng*	TCVN 6224:1996	mg/l	212	300
10.7	HL Sunphat	Máy UV - VIS	mg/l	6,09	250
10.8	Florua	Máy UV - VIS	mg/l	0,80	1,5
10.9	Đồng (Cuprum)*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOD = 0,03)	1
10.10	Kẽm(Zincum)*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOD = 0,03)	2
10.11	Mangan (Mn)	SMEWW3113B	mg/l	0,002	0,1
10.12	Cadimi (Cd)*	SMEWW3113B	mg/l	KPH (LOD = 0,0003)	0,003
10.13	Chì (Plumbum)*	SMEWW3113B	mg/l	KPH (LOQ = 0,002)	0,01

SỞ Y TẾ TỈNH CAO BẰNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH CAO BẰNG

Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, tỉnh Cao Bằng/Điện thoại: 02063.852815/Fax:026.855173
Email: ttydptinhcaobang@gmail.com

10.14	Tổng số chất rắn hòa tan (TDS)	TQBYT	mg/l	180	1000
10.15	Nhôm (Aluminium)	SMEWW3113B	mg/l	0,06	0,2
10.16	S. Aureus	SMEWW9213B:2017	CFU/250ml	KPH	< 1
10.17	Ps. Aeruginosa	TCVN 8881:2011	CFU/250ml	KPH	< 1

Cao Bằng, Ngày 03 tháng 12 năm 2025

TRƯỞNG KHOA



Lục Thị Hương

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Bế Thị Bạch

Ghi chú:

1. KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp).
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của TTKSBT tỉnh Cao Bằng.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định;
6. Chỉ tiêu có dấu * là chỉ tiêu được công nhận IOS/IEC 17025:2017.
7. Chỉ tiêu có dấu " + " là kết quả sử dụng của nhà thầu phụ.
8. Phòng thí nghiệm cam kết bảo mật các thông tin của khách hàng.

Số: 178.03/PKN-KSBT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: Nước máy (Điểm cuối) – Nhà máy nước Trường Hà.
2. Mã số mẫu: 11.25.178.03.MG
3. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong can nhựa 2 lít, chai thủy tinh 1 lít.
4. Thời gian lưu mẫu: Không lưu
5. Ngày lấy mẫu: 20/11/2025
6. Ngày nhận mẫu: 20/11/2025
7. Thời gian thử nghiệm: 20/11/2025 – 03/12/2025
8. Nơi gửi mẫu: Công ty TNHH một thành viên Cấp nước Cao Bằng.
Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng.
Biên bản lấy mẫu nước.
9. Tài liệu kèm theo:
10. Kết quả thử nghiệm



STT	CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾT QUẢ	GIÁ TRỊ SO SÁNH QCDP 01:2024/CB
10.01	Amoni	Máy UV - VIS	mg/l	0,2	0,3
10.2	Nitrit	Máy UV - VIS	mg/l	0,0	0,05
10.3	Nitrat	TCVN 6180: 1996	mg/l	0,29	2
10.4	Sắt TS*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOQ = 0,1)	0,3
10.5	Pecmanganat*	TCVN 6186:1996	mg/l	0,0	2
10.6	Độ cứng*	TCVN 6224:1996	mg/l	196	300
10.7	HL Sunphat	Máy UV - VIS	mg/l	6,95	250
10.8	Florua	Máy UV - VIS	mg/l	0,75	1,5
10.9	Đồng (Cuprum)*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOD = 0,03)	1
10.10	Kẽm(Zincum)*	SMEWW3111B	mg/l	KPH (LOD = 0,03)	2
10.11	Mangan (Mn)	SMEWW3113B	mg/l	0,003	0,1
10.12	Cadimi (Cd)*	SMEWW3113B	mg/l	KPH (LOD = 0,0003)	0,003
10.13	Chì (Plumbum)*	SMEWW3113B	mg/l	KPH (LOQ = 0,002)	0,01

SỞ Y TẾ TỈNH CAO BẰNG
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH CAO BẰNG

Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, tỉnh Cao Bằng/Điện thoại: 02063.852815/Fax:026.855173

Email: ttytdptinhcaobang@gmail.com

10.14	Tổng số chất rắn hòa tan (TDS)	TQBYT	mg/l	190	1000
10.15	Nhôm (Aluminium)	SMEWW3113B	mg/l	0,03	0,2
10.16	S. Aureus	SMEWW9213B:2017	CFU/250ml	KPH	< 1
10.17	Ps. Aeruginosa	TCVN 8881:2011	CFU/250ml	KPH	< 1

Cao Bằng, Ngày 03 tháng 12 năm 2025

TRƯỞNG KHOA



Lục Thị Hường

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Bế Thị Bạch

Ghi chú:

1. KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp).
2. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của TTKSBT tỉnh Cao Bằng.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu;
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định;
6. Chỉ tiêu có dấu * là chỉ tiêu được công nhận IOS/IEC 17025:2017.
7. Chỉ tiêu có dấu " + " là kết quả sử dụng của nhà thầu phụ.
8. Phòng thí nghiệm cam kết bảo mật các thông tin của khách hàng.



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH INVITEC

INVITEC ANALYSIS CENTER

Địa chỉ/Address: Số 12 phố Trường Lâm, Phường Việt Hưng, Thành phố

Hà Nội, Việt Nam

Tel: +84 92 567 1212

Email: hotline@invitec.vn



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

MT25110572

Tên khách hàng/Customer's name:

Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng

Địa chỉ/Address:

Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, Tỉnh Cao Bằng

Tên mẫu/Name of sample(s):

Nước máy (điểm đầu)

Mô tả mẫu/Sample description:

Mẫu được lấy vào can nhựa có nắp vận thể tích 4,0L;

Bảo quản thường

Địa điểm lấy mẫu/Place of sampling:

Tổ quản lý nước Trường Hà – Công ty TNHH một thành viên cấp nước Cao Bằng

Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng

Ngày nhận mẫu/Date of sample receiving:

21/11/2025

Người lấy/gửi mẫu/Sampler:

Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng

Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, Tỉnh Cao Bằng

Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Giới hạn tham chiếu** Reference limit	Phương pháp thử Test method
1.	Atrazine ($C_8H_{14}ClN_5$) và các dẫn xuất chloro-s-triazine ^a	<0,3	µg/L	100	US EPA Method 525.3:2012
2.	2-Methyl-4-chlorophenoxyacetic (MCPA) ^a	<0,5	µg/L	2	US EPA Method 555:1992
3.	Permethrin ($C_{21}H_{20}Cl_2O_3$) ^a	<0,3	µg/L	20	US EPA Method 525.3:2012
4.	Chloroform ($CHCl_3$) ^a	<0,1	µg/L	300	US EPA (5030C:2003&5035:1996 &8260D:2017)
5.	Dichloroacetonitrile (C_2HCl_2N) ^a	<0,3	µg/L	20	US EPA Method 551.1:1995

** Theo/As in: Quốc gia QCVN 01-1:2024/BYT về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ban hành theo thông tư 52/2024/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2024

BỘ PHẬN PHÂN TÍCH
LABORATORY

KS. Nguyễn Văn Cường

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2025

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
DIRECTOR OF CENTER



ThS. Lâm Gia Vũ

- * Phép thử đã được VACI công nhận/The tests accredited by VACI
- ^a Các chỉ tiêu đánh dấu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/The test are performed by subcontractors
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the received sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm phân tích INVITEC/The test report must not be reproduced without the written approval of INVITEC.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH INVITEC
INVITEC ANALYSIS CENTER

Địa chỉ/Address: Số 12 phố Trường Lâm, Phường Việt Hưng, Thành phố
Hà Nội, Việt Nam
Tel: +84 92 567 1212
Email: hotline@invitec.vn



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

MT25110573

Tên khách hàng/Customer's name: Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng
Địa chỉ/Address: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, Tỉnh Cao Bằng
Tên mẫu/Name of sample(s): Nước máy (điểm giữa)
Mô tả mẫu/Sample description: Mẫu được lấy vào can nhựa có nắp vận thể tích 4,0L;
Bảo quản thường
Địa điểm lấy mẫu/Place of sampling: Tổ quản lý nước Trường Hà – Công ty TNHH một thành viên
cấp nước Cao Bằng
Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng
Ngày nhận mẫu/Date of sample receiving: 21/11/2025
Người lấy/gửi mẫu/Sampler: Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng
Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, Tỉnh Cao Bằng
Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Giới hạn tham chiếu** Reference limit	Phương pháp thử Test method
1.	Atrazine ($C_8H_{14}ClN_5$) và các dẫn xuất chloro-s-triazine ^a	<0,3	µg/L	100	US EPA Method 525.3:2012
2.	2-Methyl-4- chlorophenoxyacetic (MCPA) ^a	<0,5	µg/L	2	US EPA Method 555:1992
3.	Permethrin ($C_{21}H_{20}Cl_2O_3$) ^a	<0,3	µg/L	20	US EPA Method 525.3:2012
4.	Chloroform ($CHCl_3$) ^a	<0,1	µg/L	300	US EPA (5030C:2003&5035:1996 &8260D:2017)
5.	Dichloroacetonitrile (C_2HCl_2N) ^a	<0,3	µg/L	20	US EPA Method 551.1:1995

** Theo/As in: Quốc gia QCVN 01-1:2024/BYT về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
ban hành theo thông tư 52/2024/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2024

BỘ PHẬN PHÂN TÍCH
LABORATORY

Cường

KS. Nguyễn Văn Cường

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2025
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
DIRECTOR OF CENTER



ThS. Lâm Gia Vũ

- * Phép thử đã được VACI công nhận/The tests accredited by VACI
- ^a Các chỉ tiêu đánh dấu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/The test are performed by subcontractors
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the received sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm phân tích INVITEC/
The test report must not be reproduced without the written approval of INVITEC.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH INVITEC
INVITEC ANALYSIS CENTER

Địa chỉ/Address: Số 12 phố Trường Lâm, Phường Việt Hưng, Thành phố
Hà Nội, Việt Nam
Tel: +84 92 567 1212
Email: hotline@invitec.vn



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST RESULT

MT25110574

Tên khách hàng/Customer's name: Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng
Địa chỉ/Address: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, Tỉnh Cao Bằng
Tên mẫu/Name of sample(s): Nước máy (điểm cuối)
Mô tả mẫu/Sample description: Mẫu được lấy vào can nhựa có nắp vận thể tích 4,0L;
Bảo quản thường
Địa điểm lấy mẫu/Place of sampling: Tổ quản lý nước Trường Hà – Công ty TNHH một thành viên
cấp nước Cao Bằng
Địa chỉ: Đường Tân An, phường Tân Giang, tỉnh Cao Bằng
Ngày nhận mẫu/Date of sample receiving: 21/11/2025
Người lấy/gửi mẫu/Sampler: Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Cao Bằng
Địa chỉ: Tổ dân phố 30, phường Nùng Trí Cao, Tỉnh Cao Bằng
Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No.	Tên chỉ tiêu Parameter	Kết quả Result	Đơn vị Unit	Giới hạn tham chiếu** Reference limit	Phương pháp thử Test method
1.	Atrazine ($C_8H_{14}ClN_5$) và các dẫn xuất chloro-s-triazine ^a	<0,3	µg/L	100	US EPA Method 525.3:2012
2.	2-Methyl-4- chlorophenoxyacetic (MCPA) ^a	<0,5	µg/L	2	US EPA Method 555:1992
3.	Permethrin ($C_{21}H_{20}Cl_2O_3$) ^a	<0,3	µg/L	20	US EPA Method 525.3:2012
4.	Chloroform ($CHCl_3$) ^a	<0,1	µg/L	300	US EPA (5030C:2003&5035:1996 &8260D:2017)
5.	Dichloroacetonitrile (C_2HCl_2N) ^a	<0,3	µg/L	20	US EPA Method 551.1:1995

** Theo/As in: Quốc gia QCVN 01-1:2024/BYT về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
ban hành theo thông tư 52/2024/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2024

BỘ PHẬN PHÂN TÍCH
LABORATORY

Cường

KS. Nguyễn Văn Cường

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2025
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
DIRECTOR OF CENTER



ThS. Lâm Gia Vũ

- * Phép thử đã được VACI công nhận/The tests accredited by VACI
- ^a Các chỉ tiêu đánh dấu được thực hiện bởi nhà thầu phụ/The test are performed by subcontractors
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the received sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm phân tích INVITEC/
The test report must not be reproduced without the written approval of INVITEC.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.